

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN PHÚ HƯNG
PHU HUNG SECURITIES
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 57/2025/PHS-PL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025
Ho Chi Minh City, March 25, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE**

- Kính gửi/ To:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission of Vietnam*;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange*;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*.

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (“PHS”)**
Company name: PHU HUNG SECURITIES CORPORATION (“PHS”)
2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
Headquarters: 21st Floor, Phu My Hung Tower, 08 Hoang Van Thai, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City.
3. Điện thoại/Phone: (+84 28) 5413 5479 Fax: (+84 28) 5413 5472
4. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Chen Chia Ken
Person to implement disclosure of information: Mr. Chen Chia Ken
5. Loại công bố thông tin: Theo yêu cầu 24h Bất thường Định kỳ
As the request 24 hours Extraordinary Periodic
Type of information disclosure:
6. **Nội dung của thông tin công bố:**
Information of disclosed content:

Căn cứ quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, PHS trân trọng công bố thông tin về việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

According to Circular 96/2020/TT-BTC on guidance for information disclosure on securities market, PHS sincerely discloses information about Annual General Meeting of Shareholders in 2025, as follows:

- 6.1 Thời gian: 14:00, ngày 17 tháng 04 năm 2025.
Time: 14h00 on 17 April 2025.
- 6.2 Địa điểm: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Venue: 21st Floor, Phu My Hung Tower, 08 Hoang Van Thai, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam.
- 6.3 Tài liệu được sử dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được đăng tải trên trang điện tử của PHS tại <https://www.phs.vn>, phần Về PHS, mục Quan Hệ Cổ Đông, phần Công bố thông tin.
Documents used in Annual General Meeting of Shareholders in 2025 are posted on PHS's website at <https://www.phs.vn>, tab About PHS, Investor Relations section, and Information Disclosure section.
7. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PHS vào ngày 25 tháng 03 năm 2025 tại đường dẫn: <https://www.phs.vn>, phần Về PHS, mục Quan Hệ Cổ Đông, phần Công bố thông tin.
The information is disclosed on PHS's website on 25 March 2025 in link at <https://www.phs.vn>, tab About PHS, Investor Relations section, and Information Disclosure section.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm:
Attached Document:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC *nh*
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



Ông/ Mr. CHEN CHIA KEN
Tổng Giám đốc
General Director

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG NGÀY 17/04/2025

Thời gian : 14:00, ngày 17 tháng 04 năm 2025

Địa điểm : Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

A. THỦ TỤC KHAI MẠC

- I. Báo cáo số lượng cổ đông tham dự kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 17/04/2025 ("Đại Hội");
- II. Giới thiệu và thông qua Chủ Tọa đoàn, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu;
- III. Khai mạc Đại hội;
- IV. Thông qua Chương trình nghị sự;
- V. Thông qua Hướng dẫn tổ chức và biểu quyết tại Đại hội.

B. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. Thảo luận:

1. Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2024;
2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024;
3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024;
4. Thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024;
5. Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024;
6. Thông qua Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới;
7. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông;
8. Thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025;
9. Thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2025;
10. Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025;
11. Thông qua việc Bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2028;
12. Thông qua việc Bầu cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2028;
13. Thông qua Báo cáo Hội đồng Quản trị về việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028;

14. Thông qua Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát;
15. Thu, kiểm Phiếu biểu quyết.

II. Hỏi Đáp

III. Đọc và thông qua Biên bản Kiểm phiếu, Biên bản Đại hội, và Nghị quyết Đại hội

C. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tờ trình về Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2024;
(Đính kèm: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024)
2. Tờ trình về Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024;
3. Tờ trình về Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024;
4. Tờ trình về Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024;
(Đính kèm: Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024)
5. Tờ trình về Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024;
(Đính kèm: Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024)
6. Tờ trình về Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới;
7. Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông;
8. Tờ trình về Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025;
(Đính kèm: Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025)
9. Tờ trình về Dự toán ngân sách năm 2025;
10. Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025;
11. Tờ trình về việc Bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2028;
(Đính kèm: Sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên được đề cử thành viên Hội đồng Quản trị)
12. Tờ trình về việc Bầu cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2028;
(Đính kèm: Sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên được đề cử thành viên Ban Kiểm soát)
13. Tờ trình về Báo cáo Hội đồng Quản trị về việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028;
14. Tờ trình về Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát;
(Đính kèm: Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát)

-KẾT THÚC-

Số: 01/2025/BB-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025

DỰ THẢO

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 17/04/2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
- Địa chỉ : Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Mã số doanh nghiệp : 0313642887
- Giấy phép thành lập và hoạt động : 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/01/2016
- Thời gian họp : Bắt đầu lúc ... ngày 17/04/2025
Kết thúc lúc ... ngày 17/04/2025
- Địa điểm họp : Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chương trình và nội dung Đại hội : Theo Chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông ngày 17 tháng 04 năm 2025 đã được thông báo đến cổ đông
- Chủ tọa Đại hội : Ông/Bà
- Ban thư ký Đại hội : Ông/Bà
- Ban kiểm phiếu : Ông/Bà – Trưởng ban
Ông/Bà – Thành viên
Ông/Bà – Thành viên
- Số đại biểu tham dự : Vào lúc ... giờ ngày 17/04/2025, số lượng cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền cho người khác tham dự là ... cổ đông, đại diện cho ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (*Phụ lục đính kèm*).
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng, Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/04/2025 (“**Đại hội**”) đủ điều kiện để tiến hành

I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Các cổ đông tiến hành đăng ký tham dự đại hội để nhận tài liệu của cuộc họp, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết.
2. Bà/Ông đọc báo cáo việc kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
3. Bà/Ông giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội:
 - ◆ Chủ tọa đoàn:
Ông/Bà
 - ◆ Ban thư ký Đại hội
Ông/Bà – Trưởng ban thư ký Đại hội
 - ◆ Ban kiểm phiếu:
Ông/Bà – Trưởng Ban kiểm phiếu
Ông/Bà – Thành viên
Ông/Bà – Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua thành viên của Chủ tọa đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu với tỷ lệ tán thành: ...%.

Chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu bắt đầu tiến hành Đại hội.

4. Chủ tọa công bố chương trình nghị sự của Đại hội.
5. Ông/Bà đọc và hướng dẫn cách thức biểu quyết tại Đại hội.
6. Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/04/2025 biểu quyết thông qua chương trình nghị sự của Đại hội, hướng dẫn biểu quyết và cách thức biểu quyết của Đại hội. Tỷ lệ tán thành: ...%.

II. NỘI DUNG THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT

Vào lúc ... giờ ngày 17/04/2025, số lượng cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền cho người khác tham dự là ... cổ đông, đại diện cho ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Nội dung 1. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024

Hội Đồng Quản Trị trình Đại hội thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ%
Phiếu không hợp lệ%
Tán thành%
Không tán thành%
Không có ý kiến%

Nội dung 2. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ%
Phiếu không hợp lệ%
Tán thành%
Không tán thành%
Không có ý kiến%

Nội dung 3. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

Ban Kiểm soát trình Đại hội thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ%
Phiếu không hợp lệ%
Tán thành%
Không tán thành%
Không có ý kiến%

Nội dung 4. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ%
Phiếu không hợp lệ%
Tán thành%
Không tán thành%
Không có ý kiến%

Nội dung 5. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ%
Phiếu không hợp lệ%
Tán thành%
Không tán thành%
Không có ý kiến%

Nội dung 6. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ%
Phiếu không hợp lệ%
Tán thành%
Không tán thành%
Không có ý kiến%

Nội dung 7. Thảo luận và biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ%
Phiếu không hợp lệ%
Tán thành%
Không tán thành%
Không có ý kiến%

Nội dung 8. Thảo luận và biểu quyết thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ%
Phiếu không hợp lệ%
Tán thành%
Không tán thành%
Không có ý kiến%

Nội dung 9. Thảo luận và biểu quyết thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2025

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ%
Phiếu không hợp lệ%
Tán thành%
Không tán thành%
Không có ý kiến%

Nội dung 10. Thảo luận và biểu quyết thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025

Ban Kiểm soát trình Đại hội thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ%
Phiếu không hợp lệ%
Tán thành%
Không tán thành%
Không có ý kiến%

Nội dung 11. Thảo luận và biểu quyết thông qua việc Bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2028

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua việc Bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2028 theo nội dung tờ trình đính kèm. Các thành viên Hội đồng Quản trị được đề cử như sau:

1. Ông/Bà: Thành viên Hội đồng Quản trị
 - Phiếu đồng ý: ...phiếu
 - Tương đương:....% phiếu biểu quyết dự họp
2. Ông/Bà: Thành viên Hội đồng Quản trị
 - Phiếu đồng ý: ...phiếu
 - Tương đương:....% phiếu biểu quyết dự họp
3. Ông/Bà: Thành viên Hội đồng Quản trị
 - Phiếu đồng ý: ...phiếu
 - Tương đương:....% phiếu biểu quyết dự họp
4. Ông/Bà: Thành viên Hội đồng Quản trị
 - Phiếu đồng ý: ...phiếu
 - Tương đương:....% phiếu biểu quyết dự họp
5. Ông/Bà: Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị
 - Phiếu đồng ý: ...phiếu
 - Tương đương:....% phiếu biểu quyết dự họp

Nội dung 12. Thảo luận và biểu quyết thông qua việc Bầu cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2028

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua việc Bầu cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2028 theo nội dung tờ trình đính kèm. Các thành viên Ban Kiểm soát được đề cử như sau:

1. Ông/Bà: Thành viên Ban Kiểm soát
 - Phiếu đồng ý: ...phiếu
 - Tương đương:....% phiếu biểu quyết dự họp
2. Ông/Bà: Thành viên Ban Kiểm soát
 - Phiếu đồng ý: ...phiếu
 - Tương đương:....% phiếu biểu quyết dự họp
3. Ông/Bà: Thành viên Ban Kiểm soát
 - Phiếu đồng ý: ...phiếu
 - Tương đương:....% phiếu biểu quyết dự họp

Nội dung 13. Thảo luận và biểu quyết thông qua Báo cáo Hội đồng Quản trị về việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028

Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua Báo cáo Hội đồng Quản trị về việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028 theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ%
Phiếu không hợp lệ%
Tán thành%
Không tán thành%
Không có ý kiến%

Nội dung 14. Thảo luận và biểu quyết thông qua Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát trình Đại hội thông qua Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát theo nội dung tờ trình đính kèm.

Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ:

Ý kiến	Số phiếu biểu quyết	Đạt tỷ lệ
Phiếu hợp lệ%
Phiếu không hợp lệ%
Tán thành%
Không tán thành%
Không có ý kiến%

III. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Vào lúc ... giờ ngày 17/04/2025, số lượng cổ đông tham dự là ... cổ đông, trong đó có ... cổ đông trực tiếp tham dự và ... cổ đông ủy quyền hợp pháp tham dự, đại diện cho ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ... % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Ông/Bà đọc Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/04/2025 biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội. Tỷ lệ tán thành: ...%.

Biên bản Đại hội được lập thành hai bản Tiếng Anh và hai bản Tiếng Việt, được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Tài liệu đính kèm:

1	Tờ trình về Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 (Đính kèm: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024)
2	Tờ trình về Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024
3	Tờ trình về Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024
4	Tờ trình về Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024 (Đính kèm: Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024)
5	Tờ trình về Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024 (Đính kèm: Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024)
6	Tờ trình về Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới
7	Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông
8	Tờ trình về Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025 (Đính kèm: Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025)
9	Tờ trình về Dự toán ngân sách năm 2025
10	Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025
11	Tờ trình về việc Bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2028; (Đính kèm: Sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên được đề cử thành viên Hội đồng Quản trị)
12	Tờ trình về việc Bầu cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2028; (Đính kèm: Sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên được đề cử thành viên Ban Kiểm soát)
13	Tờ trình về Báo cáo Hội đồng Quản trị về việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028
14	Tờ trình về Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát (Đính kèm: Quy trình Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

(Kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/04/2025)

STT	Tên cổ đông	Người được ủy quyền tham dự	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Số phiếu biểu quyết (phiếu)	Tỷ lệ (%)
1.
2.
3.
4.
5.
TỔNG CỘNG					



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

....., ngày tháng năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 17/04/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

1. BÊN ỦY QUYỀN:

Tên cổ đông:

Mã cổ đông:

GCNĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Số cổ phần sở hữu: cổ phần

(Bảng chữ:))

2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN:

a. Ủy quyền cho cá nhân/tổ chức cụ thể:

Tên tổ chức/cá nhân:

GCNĐKDN/CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

b. Ủy quyền thành viên Hội đồng Quản trị Công ty

Tên cá nhân: Ông Chen Chia Ken

Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty kiêm Tổng Giám đốc

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Bên được ủy quyền có toàn quyền thay mặt Bên ủy quyền tham dự và biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/04/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

Chúng tôi/Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ các quy định hiện hành của Công ty và các quy định của pháp luật.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Trong trường hợp không có người đại diện ủy quyền (Mục 2.a) tham dự Đại hội, Quý cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị Công ty (Mục 2.b).
- Bên được ủy quyền không được ủy quyền tiếp theo cho người thứ ba.

HƯỚNG DẪN CÁCH THỨC BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 17/04/2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

A. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI:

1. Đại hội đồng cổ đông ("**Đại Hội**") được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại Hội, Đại Hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại Hội lần thứ nhất. Đại Hội triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Theo đề nghị của Đại Hội, Chủ tọa Đại Hội có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

B. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI:

1. **Biểu quyết thông qua:** Chương trình Đại Hội, Hướng dẫn cách thức biểu quyết, Thành phần Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu, Ban thư ký Đại Hội.
2. **Thảo luận và biểu quyết các tờ trình, gồm có:**
 - 2.1. Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2024;
 - 2.2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024;
 - 2.3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024;
 - 2.4. Thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024;
 - 2.5. Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024;
 - 2.6. Thông qua Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới;
 - 2.7. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông;

- 2.8. Thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025;
- 2.9. Thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2025;
- 2.10. Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025;
- 2.11. Thông qua việc Bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2028;
- 2.12. Thông qua việc Bầu cử thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2028;
- 2.13. Thông qua Báo cáo Hội đồng Quản trị về việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028;
- 2.14. Thông qua Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát;

3. Biểu quyết thông qua: Biên bản Đại Hội và Nghị quyết Đại Hội

C. CÁC QUY ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI

1. Đăng ký tham dự Đại Hội

- Ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông, giao thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu Đại Hội. Cổ đông ký tên vào danh sách xác nhận tham gia Đại Hội.
- Đại Hội tiếp nhận cổ đông đăng ký và tham dự muộn. Hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Thảo luận và phát biểu ý kiến tại Đại hội

Khi thảo luận và phát biểu ý kiến tại Đại Hội cần tuân thủ những quy định sau:

- Cổ đông nêu tên và mã số trước khi phát biểu
- Chủ tọa Đại Hội có quyền yêu cầu dừng phát biểu nếu cổ đông phát biểu bằng những lời lẽ khiếm nhã, không tôn trọng Đại Hội và các cổ đông còn lại.

3. Quy định khác

- Chủ tọa Đại Hội có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại Hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại Hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của Đại Hội hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại Hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa Đại Hội có thể hoãn Đại Hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại Hội. Đại Hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại Hội bị trì hoãn trước đó.
- Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại Hội trái với quy định nêu trên, Đại Hội sẽ bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa

điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

D. CÁCH THỨC BIỂU QUYẾT

1. Hình thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

- 1.1. Phiếu biểu quyết có MÀU XANH LÁ: đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng, có các thông tin: tên cổ đông, mã cổ đông, tên đại diện ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội. Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết.

Phiếu biểu quyết MÀU XANH LÁ dùng để biểu quyết các nội dung sau:

- Chủ tọa đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu
- Chương trình nghị sự
- Hướng dẫn biểu quyết.

- 1.2. Phiếu biểu quyết có MÀU VÀNG: đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng, có các thông tin: tên cổ đông, mã cổ đông, tên đại diện ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội. Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết.

Phiếu biểu quyết MÀU VÀNG dùng để thông qua các nội dung sau:

- Các tờ trình tại Đại Hội
- Các nội dung Đại Hội xét thấy cần biểu quyết bằng bỏ phiếu.

- 1.3. Phiếu biểu quyết có MÀU HỒNG: đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng, có các thông tin: tên cổ đông, mã cổ đông, tên đại diện ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội. Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết.

Phiếu biểu quyết MÀU HỒNG dùng để biểu quyết các nội dung sau:

- Biên bản Đại Hội
- Nghị quyết Đại Hội.

Cách sử dụng: Cách sử dụng: Cổ đông hoặc người được ủy quyền thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) vào mục « Tán thành » hoặc « Không tán thành » hoặc « Không có ý kiến » trong Phiếu biểu quyết.

Đối với Phiếu biểu quyết Bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2028: Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ

đồng có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Cổ đông biểu quyết bằng cách bỏ phiếu vào thùng phiếu đã niêm phong. Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và báo cáo kết quả kiểm phiếu ngay tại Đại Hội.

Các trường hợp phiếu biểu quyết không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm nội dung khác
- Phiếu biểu quyết trắng
- Phiếu không có chữ ký và họ tên của cổ đông hoặc người được ủy quyền

2. Xác định kết quả biểu quyết

Các vấn đề được thông qua khi có số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Đối với quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

E. KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ KHIẾU NẠI

Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết được xem xét ngay tại Đại Hội. Trường hợp có khiếu nại, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Biên bản họp Đại hội Cổ đông số 01/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội.

Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("**Đại hội**") diễn ra lúc 14:00 ngày 17 tháng 04 năm 2025 tại Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh diễn ra hợp pháp, hợp lệ.

Thành phần tham dự:

- Các cổ đông sở hữu chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("**PHS**") theo danh sách chốt vào ngày 20 tháng 03 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ

Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng nhất trí thông qua các Nghị quyết của Đại hội như sau:

NGHỊ QUYẾT 1. THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 2. THÔNG QUA BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 3. THÔNG QUA BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 4. THÔNG QUA BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2024

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 5. THÔNG QUA BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN CHO NGUỒN VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ NGÀY 29/11/2024

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 6. THÔNG QUA BÁO CÁO VỀ VIỆC CẬP NHẬT ĐIỀU LỆ GHI NHẬN ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐIỀU LỆ MỚI

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 7. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2024 VÀ ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LỰA CHỌN THỜI ĐIỂM PHÙ HỢP VÀ TIẾN HÀNH THỦ TỤC CHI TRẢ CỔ TỨC CHO CỔ ĐỒNG

Đại hội nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 8. THÔNG QUA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2025

Đại hội nhất trí thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 9. THÔNG QUA DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRONG NĂM 2025

Đại hội nhất trí thông qua Dự toán ngân sách trong năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 10. THÔNG QUA VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP NĂM 2025

Đại hội nhất trí thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 11. THÔNG QUA DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025 – 2028

Đại hội nhất trí thông qua Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025 – 2028 danh sách cụ thể như sau:

1. Ông/Bà ... - Thành viên Hội đồng Quản trị
2. Ông/Bà ... - Thành viên Hội đồng Quản trị
3. Ông/Bà ... - Thành viên Hội đồng Quản trị
4. Ông/Bà ... - Thành viên Hội đồng Quản trị
5. Ông/Bà ... - Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

NGHỊ QUYẾT 12. THÔNG QUA DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2025 – 2028

Đại hội nhất trí thông qua Danh sách thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2028 danh sách cụ thể như sau:

1. Ông/Bà ... - Thành viên Ban Kiểm soát
2. Ông/Bà ... - Thành viên Ban Kiểm soát
3. Ông/Bà ... - Thành viên Ban Kiểm soát

NGHỊ QUYẾT 13. THÔNG QUA BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ VIỆC TÁI BỔ NHIỆM ÔNG CHEN CHIA KEN LÀM TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHIỆM KỲ 2025 – 2028

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo Hội đồng Quản trị về việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028 theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 14. THÔNG QUA QUY TRÌNH KIỂM TRA, KIỂM SOÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đại hội nhất trí thông qua Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát theo nội dung tờ trình đính kèm.

NGHỊ QUYẾT 15. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 04 năm 2025.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn công ty thi hành các điều khoản của Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
---o0o---

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 17/4/2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (“PHS”)

THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
ON APRIL 17th, 2025
PHU HUNG SECURITIES CORPORATION (“PHS”)

PHIẾU BIỂU QUYẾT
VOTING PAPER

TÊN CỔ ĐÔNG/ *Name of shareholder:*

TÊN ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN/ *Name of the authorized person:*

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG/ *Shareholder code:*

SỐ CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT / *Number of shares with voting right: ... cổ phiếu/shares*

Cổ đông đánh dấu (X) hoặc (✓) vào ô trống tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, hoặc “Không có ý kiến” đối với từng vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội

Please mark (X) or (✓) to the box corresponding to “Agree”, “Disagree”, “No opinion” toward the voting subjects.

STT NO.	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT AGENDA	TÁN THÀNH AGREE	KHÔNG TÁN THÀNH DISAGREE	KHÔNG CÓ Ý KIẾN NO OPINION
1.	Chủ tọa đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu <i>Chairman and the Secretariat and Scrutiny team</i>			
2.	Chương trình nghị sự <i>The Agenda</i>			
3.	Hướng dẫn biểu quyết <i>The Voting guidelines</i>			

CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
SHAREHOLDER/THE AUTHORIZED PERSON

Ký và ghi rõ họ tên
Signature and Full name



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
---o0o---

1

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 17/4/2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (“PHS”)

THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
ON APRIL 17th, 2025
PHU HUNG SECURITIES CORPORATION (PHS)

PHIẾU BIỂU QUYẾT
VOTING PAPER

TÊN CỔ ĐÔNG/ Name of shareholder:

TÊN ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN/ Name of the authorized person:

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG/ Shareholder code:

SỐ CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT/ Number of shares with voting right: ... cổ phiếu/shares

Cổ đông đánh dấu (X) hoặc (✓) vào ô trống tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, hoặc “Không có ý kiến” đối với từng vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội

Please mark (X) or (✓) to the box corresponding to “Agree”, “Disagree”, “No opinion” toward the voting subjects.

STT NO.	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT AGENDA	TÁN THÀNH AGREE	KHÔNG TÁN THÀNH DISAGREE	KHÔNG CÓ Ý KIẾN NO OPINION
1.	Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2024 <i>Audited Financial Statement in 2024</i>			
2.	Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 <i>Report of the Board of Directors on the Business performance in 2024</i>			
3.	Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 <i>Report of the Inspection Committee on the Business performance in 2024</i>			
4.	Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2024 <i>Report on Corporate governance of PHS in 2024</i>			



5.	Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024 <i>Report on Utilisation of Capital for the capital raised from the private placement of shares on 29 November 2024</i>			
6.	Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới <i>Report on updating the Charter recording the adjustment of new charter capital</i>			
7.	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông <i>Profit Distribution Plan in 2024 and the authorization for the Board of Directors to choose the suitable time and proceed the procedure to pay dividend for shareholders</i>			
8.	Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2025 <i>Development and Business plan of PHS in 2025</i>			
9.	Dự toán ngân sách trong năm 2025 <i>Financial budget in 2025</i>			
10.	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025 <i>Selection of Auditor in 2025</i>			
13.	Báo cáo Hội đồng Quản trị về việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028 <i>Report of Board of Directors on the re-appointment of Mr. Chen Chia Ken to be General Director of the Company during the period from 2025 – 2028</i>			
14.	Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát <i>Procedure on inspecting, controlling of Inspection Committee</i>			

CƠ ĐỒNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
SHAREHOLDER/THE AUTHORIZED PERSON
Ký và ghi rõ họ tên
Signature and Full name



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 17/4/2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (“PHS”)
THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
ON APRIL 17th, 2025
PHU HUNG SECURITIES CORPORATION (PHS)

PHIẾU BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ELECTION CARD FOR MEMBERS OF BOARD OF DIRECTORS

TÊN CỔ ĐÔNG/Name of shareholder:

TÊN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/Name of the authorized person:

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG/ Shareholders code:

SỐ CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BẦU/Number of shares with electing right: ... cổ phiếu/shares

TỔNG SỐ LƯỢNG PHIẾU CÓ QUYỀN BẦU /Total number of votes with voting rights: ... phiếu bầu/votes

Phiếu biểu quyết này tương ứng với số thứ tự 11 trong nội dung thảo luận của Chương trình nghị sự/ This voting card corresponds to the Number 11 in the discussion content of Agenda

STT No.	HỌ VÀ TÊN ỨNG VIÊN Full name of candidate	SỐ PHIẾU BẦU Number of votes
1.	Ông/Mr ALBERT KWANG-CHIN TING Thành viên Hội đồng Quản trị/Member of the Board of Directors	
2.	Ông/Mr NGUYỄN ĐOAN HÙNG Thành viên Hội đồng Quản trị/Member of the Board of Directors	
3.	Ông/Mr CHEN CHIA KEN Thành viên Hội đồng Quản trị/Member of the Board of Directors	
4.	Ông/Mr WU, JIN-JENG Thành viên Hội đồng Quản trị/Member of the Board of Directors	
5.	Bà/Ms LIN, HSIU-CHU Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/Independent Member of the Board of Directors	
	Tổng cộng/Total	

CÓ ĐỒNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
SHAREHOLDER/THE AUTHORIZED PERSON
Ký và ghi rõ họ tên
Signature and Full name

Ghi chú/Note:

Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Cổ đông có thể chia đều số phiếu bầu cho ứng cử viên bằng cách đánh dấu (X) hoặc (✓) vào cột số phiếu bầu. Tổng cộng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số lượng phiếu được phép bầu/ Shareholder may use all or part of the votes for one or some candidate. Shareholders can equally divide the number of votes for the candidate by marking (X) or (✓) in the number of votes column. The total number of votes for the candidates does not exceed the total number of votes allowed to vote.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 17/4/2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (“PHS”)

THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
ON APRIL 17th, 2025
PHU HUNG SECURITIES CORPORATION (PHS)

PHIẾU BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
ELECTION CARD FOR MEMBERS OF INSPECTION COMMITTEE

TÊN CỔ ĐÔNG/Name of shareholder:

TÊN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/Name of the authorized person:

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG/ Shareholders code:

SỐ CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BẦU/Number of shares with electing right: cổ phiếu/shares

TỔNG SỐ LƯỢNG PHIẾU CÓ QUYỀN BẦU /Total number of votes with voting rights: ... phiếu
bầu/votes

Phiếu biểu quyết này tương ứng với số thứ tự 12 trong nội dung thảo luận của Chương trình
nghị sự/ This voting card corresponds to the Number 12 in the discussion content of Agenda.

STT No.	HỌ VÀ TÊN ỨNG VIÊN Full name of candidate	SỐ PHIẾU BẦU Number of votes
1.	Ông/Mr LIEW SEP SIANG Thành viên Ban Kiểm soát/Members of Inspection Committee	
2.	Ông/Mr CHIU, HSIEN-CHIH Thành viên Ban Kiểm soát/Members of Inspection Committee	
3.	Bà/Ms WANG, GWAN-FANG Thành viên Ban Kiểm soát/Members of Inspection Committee	
	Tổng cộng/Total	

CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
SHAREHOLDER/THE AUTHORIZED PERSON

Ký và ghi rõ họ tên
Signature and Full name

Ghi chú/Note:

Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Cổ đông có thể chia đều số phiếu bầu cho ứng cử viên bằng cách đánh dấu (X) hoặc (✓) vào cột số phiếu bầu. Tổng cộng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số lượng phiếu được phép bầu/ Shareholder may use all or part of the votes for one or some candidate. Shareholders can equally divide the number of votes for the candidate by marking (X) or (✓) in the number of votes column. The total number of votes for the candidates does not exceed the total number of votes allowed to vote.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
---o0o---

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 17/4/2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HUNG (“PHS”)

THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
ON APRIL 17th, 2025
PHU HUNG SECURITIES CORPORATION (PHS)

PHIẾU BIỂU QUYẾT
VOTING PAPER

TÊN CỔ ĐÔNG/ *Name of shareholder:*

TÊN ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN/ *Name of the authorized person:*

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG/ *Shareholder code:*

SỐ CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT/ *Number of shares with voting right: ... cổ phiếu/shares*

Cổ đông đánh dấu (X) hoặc (✓) vào ô trống tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, hoặc “Không có ý kiến” đối với từng vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội
Please mark (X) or (✓) to the box corresponding to “Agree”, “Disagree”, “No opinion” toward the voting subjects.

STT NO.	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT AGENDA	TÁN THÀNH AGREE	KHÔNG TÁN THÀNH DISAGREE	KHÔNG CÓ Ý KIẾN NO OPINION
1.	Biên bản Đại Hội <i>Minutes of the Meeting</i>			
2.	Nghị quyết Đại Hội <i>Resolution of the Meeting</i>			

CÓ ĐỒNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
SHAREHOLDER/THE AUTHORIZED PERSON
Ký và ghi rõ họ tên
Signature and Full name

THƯ MỜI HỌP
Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên ngày 17/04/2025

Kính gửi: Quý Cổ Đông: <Họ và tên>

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/93_0325/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") ngày 24/03/2025 về những vấn đề thảo luận tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 17/04/2025 ("Đại hội");
- Căn cứ danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("PHS") chốt ngày 20/03/2025.

Hội Đồng Quản Trị Công ty trân trọng kính mời Quý Cổ Đông đến dự Đại hội:

Thời gian : 14h00 ngày 17 tháng 04 năm 2025 (Thứ năm)

Địa điểm : Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Nội dung : Theo chương trình nghị sự đính kèm

Toàn bộ tài liệu liên quan đến Đại hội ngày 17/04/2025 được đăng tải tại địa chỉ www.phs.vn, mục Quan hệ Cổ đông, để Quý Cổ Đông xem xét.

Sự hiện diện của Quý Cổ Đông sẽ góp phần vào thành công của Đại hội.

Trân trọng,

**ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**



**Ông ALBERT KWANG-CHIN TING
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đính kèm:

- Chương trình nghị sự;
- Mẫu Giấy ủy quyền.

Để công tác chuẩn bị được thực hiện chu đáo, Quý Cổ Đông vui lòng xác nhận dự họp hoặc gửi Giấy ủy quyền dự họp theo mẫu đính kèm (đối với trường hợp Ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị) bằng cách gửi Fax hoặc email về Công ty trước 17 giờ ngày 14/04/2025, chi tiết liên hệ:

- Điện thoại : (84 28) 5413 5479 Ext: 8181
- Người liên hệ : Chị Nguyễn Thị Bích Diệu
- Địa chỉ : Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Email : dieunguyenbichi@phs.vn
- Fax : (84 28) 5413 5472

Quý Cổ Đông đến dự họp vui lòng mang theo Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền).

Số: .01./2025/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của công ty (<https://www.phs.vn>), bao gồm:

- 1/ Báo cáo của Ban Giám Đốc
- 2/ Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 3/ Báo cáo Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024
- 4/ Báo cáo Kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31/12/2024
- 5/ Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31/12/2024
- 6/ Báo cáo Tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31/12/2024
- 7/ Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2024

Trong đó, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Tổng tài sản	3.931.365.369.257
2	Vốn Chủ sở hữu	2.067.097.810.747
3	Doanh thu	506.649.713.996
4	Lợi nhuận trước thuế	340.912.582
5	Lợi nhuận sau thuế	108.063.036

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Đính kèm:

1. Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


ALBERT KWANG-CHIN TING



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

122/GP-UBCK	ngày 20 tháng 1 năm 2016
18/GPĐC-UBCK	ngày 22 tháng 6 năm 2016
23/GPĐC-UBCK	ngày 25 tháng 7 năm 2016
03/GPĐC-UBCK	ngày 23 tháng 1 năm 2017
03/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 1 năm 2018
100/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 11 năm 2018
107/GPĐC-UBCK	ngày 26 tháng 12 năm 2018
47/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 8 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	ngày 4 tháng 3 năm 2020
03/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
04/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
48/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 6 năm 2021
82/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 9 năm 2021
57/GCN-UBCK	ngày 31 tháng 12 năm 2021
79/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 8 năm 2022
110/GPĐC-UBCK	ngày 10 tháng 11 năm 2022
102/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 12 năm 2024

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887

ngày 20 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887 ngày 22 tháng 11 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên
Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên
Ông Chen Chia Ken	Thành viên
Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Ông Liew Sep Siang	Trưởng ban
Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên
Bà Wang, Gwan Fang	Thành viên
Bà Kuo, Ping-Min	Thành viên (từ ngày 17 tháng 4 năm 2024) Thành viên (đến ngày 17 tháng 4 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Chen Chia Ken	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thu Nhân	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower
8 Hoàng Văn Thái
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Phòng Giao dịch
Phú Mỹ Hưng** Tầng trệt, CR2-08
107 Tôn Dật Tiên
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Quận 3 Tầng 4
458 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 2, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Tân Bình Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ
Phường 2, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Thanh Xuân Tầng 5, Tòa nhà Udic Complex
N04 Hoàng Đạo Thúy
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng Tầng 2, Tòa nhà Eliteco
18 Trần Hưng Đạo
Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chi nhánh Quận 1 Phòng 1003A, Tầng 10
81-83-83B-85 Hàm Nghi
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00440-25-1



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND	
TÀI SẢN					
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)		3.848.310.376.508	3.959.452.700.074	
I	Tài sản tài chính		3.840.828.798.363	3.954.792.801.205	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	181.971.791.321	196.824.308.864
1.1	Tiền	111.1		38.430.103.044	91.373.936.013
1.2	Các khoản tương đương tiền	111.2		143.541.688.277	105.450.372.851
2	Các tài sản tài chính ("TSTC") ghi nhận theo lãi hoặc lỗ ("FVTPL")	112	7(a)	73.857.466.068	90.634.482.673
3	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	696.000.000.000	654.213.238.356
4	Các khoản cho vay	114	7(c)	2.874.796.226.533	2.951.919.275.244
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	116	11(a)	(47.534.983.549)	(30.551.507.140)
7	Các khoản phải thu	117	8	51.291.372.400	74.788.081.049
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	117.2		51.291.372.400	74.788.081.049
8	Trả trước cho người bán ngắn hạn	118		1.175.067.215	7.108.023.307
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp	119	9	3.773.839.584	3.964.076.031
12	Các khoản phải thu khác	122	10	13.808.912.532	12.786.514.140
13	Dự phòng phải thu khó đòi	129	11(b)	(8.310.893.741)	(6.893.691.319)
II	Tài sản ngắn hạn khác		7.481.578.145	4.659.898.869	
1	Tạm ứng	131		246.977.600	162.595.400
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12(a)	5.174.553.497	4.497.303.469
6	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136	21	2.060.047.048	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)		83.054.992.749	81.285.669.824	
II	Tài sản cố định		28.747.496.335	23.745.314.509	
1	Tài sản cố định hữu hình	221	13	11.974.883.600	13.805.025.065
	Nguyên giá	222		51.812.143.364	47.229.401.364
	Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(39.837.259.764)	(33.424.376.299)
3	Tài sản cố định vô hình	227	14	16.772.612.735	9.940.289.444
	Nguyên giá	228		36.879.716.400	26.091.616.400
	Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(20.107.103.665)	(16.151.326.956)
V	Tài sản dài hạn khác		54.307.496.414	57.540.355.315	
1	Ký quỹ, ký cược dài hạn	251	15	5.470.397.057	5.637.869.733
2	Chi phí trả trước dài hạn	252	12(b)	10.152.079.973	18.287.789.360
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	16	9.141.330.600	6.591.125.211
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	17	19.464.116.068	16.964.116.068
5	Tài sản dài hạn khác	255	18	10.079.572.716	10.059.454.943
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)			270	3.931.365.369.257	4.040.738.369.898

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
C	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)		1.864.267.558.510	2.428.745.823.487
I	Nợ phải trả ngắn hạn		1.862.166.673.210	2.426.614.761.125
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	1.433.388.000.000	1.990.040.000.000
1.1	Vay ngắn hạn	312	19	1.433.388.000.000
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	20	399.765.881.440
8	Phải trả người bán	320		713.921.382
9	Người mua trả tiền trước	321		50.000.000
	Thuế và các khoản phải nộp			
10	Nhà nước	322	21	8.156.539.434
12	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		373.470.775
13	Chi phí phải trả	325	22	17.565.079.800
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		43.164.711
15		327		-
17	Các khoản phải trả khác	329	23	2.110.615.668
				11.720.335.629
II	Nợ phải trả dài hạn		2.100.885.300	2.131.062.362
12	Dự phòng phải trả dài hạn	354		2.100.885.300
				2.131.062.362
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		2.067.097.810.747	1.611.992.546.411
I	Vốn chủ sở hữu		2.067.097.810.747	1.611.992.546.411
1	Vốn cổ phần	411	24	2.000.097.005.000
1.1	Vốn cổ phần	411.1		2.000.098.190.000
1.5	Cổ phiếu quỹ	411.5		(1.185.000)
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		12.064.998.139
7	Lợi nhuận chưa phân phối	417		54.935.807.608
7.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		47.619.965.451
7.2	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	417.2		7.315.842.157
				(5.172.573.026)
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440	3.931.365.369.257	4.040.738.369.898

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND	
A. TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY				
6	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006	200.009.329	150.009.329
7	Cổ phiếu quỹ (số lượng cổ phiếu)	007	490	490
8	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán (“VSDC”) của Công ty	008	2.821.330.000	13.602.690.000
9	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty	009	2.420.000	2.420.000
10	TSTC chờ về của Công ty	010	150.000.000	218.600.000
13	TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	78.000.000	149.200.000
14	Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành (số lượng)	014	-	1.065.800
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI NHÀ ĐẦU TƯ				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư	021	8.289.906.820.000	8.178.036.075.000
a	TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1	7.648.665.380.000	7.489.234.325.000
b	TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2	26.658.870.000	27.916.510.000
c	TSTC giao dịch cầm cố	021.3	157.099.480.000	218.667.990.000
d	TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4	312.000.690.000	312.000.690.000
e	TSTC chờ thanh toán	021.5	145.482.400.000	130.216.560.000
2	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của nhà đầu tư	022	108.452.100.000	371.080.410.000
a	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1	77.330.120.000	75.800.070.000
b	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2	31.121.980.000	295.280.340.000
3	TSTC chờ về của nhà đầu tư	023	212.048.640.000	164.619.850.000
6	TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư	025	77.932.300.000	8.242.480.000
7	Tiền gửi của nhà đầu tư	026	710.651.908.994	763.571.527.689
7.1	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	296.077.799.776	425.156.275.773
7.2	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	027.1	414.574.109.218	338.415.251.916

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	296.077.799.776	425.156.275.773
8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	291.266.423.224	420.204.181.753
8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	4.811.376.552	4.952.094.020

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

12/21/2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B02 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND	
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
1.1		Lãi từ các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận thông qua lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)	01	12.554.313.374	14.328.354.651
<i>a</i>	<i>01.1</i>	<i>Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>26</i>	<i>5.634.885.838</i>	<i>11.017.029.327</i>
<i>b</i>	<i>01.2</i>	<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		<i>6.346.806.416</i>	<i>2.988.633.744</i>
<i>c</i>	<i>01.3</i>	<i>Có tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		<i>572.621.120</i>	<i>322.691.580</i>
1.2	02	Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	27	37.337.733.669	73.112.766.792
1.3	03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	28	278.533.424.347	314.274.638.330
1.6	06	Doanh thu môi giới chứng khoán		145.494.281.929	150.678.112.953
1.9	09	Doanh thu lưu ký chứng khoán		7.449.393.838	5.800.985.994
1.10	10	Doanh thu hoạt động tư vấn		32.727.273	-
1.11	11	Thu nhập hoạt động khác		1.766.199.337	845.048.647
	20	Tổng doanh thu hoạt động		483.168.073.767	559.039.907.367
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
2.1	21	Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL		2.162.643.449	9.872.981.763
<i>a</i>	<i>21.1</i>	<i>Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>26</i>	<i>2.562.252.216</i>	<i>9.775.671.605</i>
<i>b</i>	<i>21.2</i>	<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		<i>(210.340.556)</i>	<i>(91.958.053)</i>
<i>d</i>	<i>21.4</i>	<i>Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành</i>		<i>(189.268.211)</i>	<i>189.268.211</i>
2.4	24	Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu	11(a)	17.999.697.389	17.390.111.654
2.6	26	Chi phí hoạt động tự doanh		4.443.480.016	3.174.982.903
2.7	27	Chi phí môi giới chứng khoán	29	166.777.549.418	168.864.542.818
2.10	30	Chi phí lưu ký chứng khoán		7.907.728.846	6.388.857.906
2.11	31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn		1.147.155.396	1.155.892.164
2.12	32	Chi phí khác	11(b)	1.417.202.422	(559.447.607)
	40	Tổng chi phí hoạt động		201.855.456.936	206.287.921.601

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B02 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND		
III		DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1		Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	21.654.954.153	39.327.917.136	
3.2		Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	42	1.826.686.076	1.431.687.677	
		Tổng doanh thu hoạt động tài chính	50	23.481.640.229	40.759.604.813	
IV		CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1		Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	69.136.122.795	84.859.712.000	
4.2		Chi phí lãi vay	52	30	128.806.052.741	149.125.757.455
		Tổng chi phí tài chính	60	197.942.175.536	233.985.469.455	
VI		CHI PHÍ QUẢN LÝ	62	31	106.679.984.276	103.166.761.773
VII		KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)	70	172.097.248	56.359.359.351	
VIII		THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1		Thu nhập khác	71	308.753.709	468.124.194	
8.2		Chi phí khác	72	139.938.375	628.242.585	
		Kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80	168.815.334	(160.118.391)	
IX		TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90	340.912.582	56.199.240.960	
9.1		(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện	91	(12.147.502.601)	110.472.917.374	
9.2		Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	92	12.488.415.183	(54.273.676.414)	

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

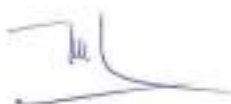
Mẫu số B02 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
X CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		232.849.546	11.648.447.958
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	32	2.783.054.935	14.535.289.259
10.2 Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	100.2	32	(2.550.205.389)	(2.886.841.301)
XI LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		108.063.036	44.550.793.002
XII THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC	300		-	-
XIII THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU	500			
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501	33	0,7	297

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	340.912.582	56.199.240.960
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	102.130.274.525	214.689.026.513
Khấu hao và phân bổ	03	10.368.660.174	8.862.034.251
Các khoản dự phòng	04	18.370.501.769	16.981.711.965
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(5.742.000.000)	57.165.000.000
Chi phí lãi	06	128.806.052.741	149.125.757.455
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	07	-	(590.909)
Dự thu tiền lãi	08	(49.672.940.159)	(17.444.886.249)
3 Thay đổi các chi phí phi tiền tệ	10	(399.608.767)	97.310.158
Lỗ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	(399.608.767)	97.310.158
4 Thay đổi các doanh thu phi tiền tệ	18	(6.346.806.416)	(2.988.633.744)
Lãi đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(6.346.806.416)	(2.988.633.744)
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động (30 = 01 + 02 + 10 + 18)	30	95.724.771.924	267.996.943.887
Giảm/(tăng) TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	23.334.163.577	(80.838.781.811)
(Tăng)/giảm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	(41.786.761.644)	114.100.008.220
Giảm/(tăng) các khoản cho vay	33	77.123.048.711	(960.281.945.959)
Giảm các khoản phải thu	36	73.169.648.808	-
Giảm các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	190.236.447	5.859.588.081
(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39	(1.022.398.392)	219.918.215
Tăng các tài sản khác	40	(4.497.074.345)	(3.598.503.493)
(Giảm)/tăng chi phí phải trả	41	(3.361.266.594)	1.657.810.127
Giảm chi phí trả trước	42	7.458.459.359	3.499.290.900
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	43	(8.719.340.658)	(14.534.752.098)
Tiền lãi đã trả	44	(131.191.502.451)	(146.371.092.469)
Tăng/(giảm) phải trả cho người bán	45	6.580.617.777	(5.773.580.594)
Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	717.002	2.307.000
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	2.110.526.195	(3.273.250.340)
Giảm phải trả người lao động	48	-	(6.146.000)
Tăng các khoản phải trả khác	50	1.045.813.321	199.425.944.169
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	96.159.659.037	(621.916.242.165)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(15.370.842.000)	(7.402.907.918)
Tiền thu từ việc thanh lý tài sản cố định	62	-	590.909
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(15.370.842.000)	(7.402.317.009)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp từ chủ sở hữu	71	500.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	7.890.447.000.000	9.392.294.124.101
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(8.441.357.000.000)	(9.292.439.124.101)
Cổ tức trả cho cổ đông	76	(44.731.334.580)	(37.592.696.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	(95.641.334.580)	62.262.303.600
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	90	(14.852.517.543)	(567.056.255.574)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	196.824.308.864	763.880.564.438
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5)	103	181.971.791.321	196.824.308.864
▪ <i>Tiền</i>	<i>103.1</i>	<i>38.430.103.044</i>	<i>91.373.936.013</i>
▪ <i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>103.2</i>	<i>143.541.688.277</i>	<i>105.450.372.851</i>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2024 VND	2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	38.621.844.527.649	38.749.240.984.544
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(37.876.401.068.039)	(39.824.401.812.944)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	52.277.945.297.503	55.500.518.225.396
Nhận tiền ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	07.1	76.158.857.302	71.213.172.507
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(53.149.757.972.769)	(54.217.612.309.741)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(2.709.260.341)	(2.063.062.040)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	(52.919.618.695)	276.895.197.722
Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng đầu năm			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	763.571.527.689	486.676.329.967
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	763.571.527.689	486.676.329.967
▪ Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		338.415.251.916	267.202.079.409
Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng cuối năm (40 = 20 + 30)	40	710.651.908.994	763.571.527.689
Tiền gửi ngân hàng cuối năm			
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	710.651.908.994	763.571.527.689
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	710.651.908.994	763.571.527.689
Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		414.574.109.218	338.415.251.916

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

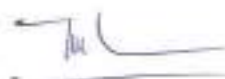
Mẫu số B04 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm tại ngày		Biến động trong năm kết thúc ngày				Số dư cuối năm tại ngày	
	1/1/2023	1/1/2024	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2023	31/12/2024
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND
Vốn cổ phần	1.500.098.190.000	1.500.098.190.000	-	-	500.000.000.000	-	1.500.098.190.000	2.000.098.190.000
Cổ phiếu quỹ	(1.185.000)	(1.185.000)	-	-	-	-	(1.185.000)	(1.185.000)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	12.064.998.139	12.064.998.139	-	-	-	-	12.064.998.139	12.064.998.139
Quỹ dự phòng tài chính	12.064.998.139	-	-	(12.064.998.139)	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	73.216.617.931	99.830.543.272	110.889.467.555	(84.275.542.214)	12.488.415.183	(57.383.150.847)	99.830.543.272	54.935.807.608
Trong đó:								
Lợi nhuận đã thực hiện	24.115.514.543	105.003.116.298	98.824.469.416	-	-	(12.380.352.147)	122.939.983.959	92.622.764.151
Hoàn nhập quỹ dự trữ tài chính	-	-	12.064.998.139	-	-	-	12.064.998.139	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(30.001.865.800)	-	(45.002.798.700)	(30.001.865.800)	(45.002.798.700)
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	49.101.103.388	(5.172.573.026)	-	(54.273.676.414)	12.488.415.183	-	(5.172.573.026)	7.315.842.157
Tổng cộng	1.597.443.619.209	1.611.992.546.411	110.889.467.555	(96.340.540.353)	512.488.415.183	(57.383.150.847)	1.611.992.546.411	2.067.097.810.747

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 102/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2024 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) – được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn điều lệ của Công ty.

Công ty đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã PHS theo Quyết định số 475/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 19 tháng 7 năm 2019.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 2.000.098.190.000 VND (31/12/2023: 1.500.098.190.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 329 nhân viên (31/12/2023: 382 nhân viên).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được trình bày ở Thuyết minh 3(d), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 3(f);

Ngoại trừ phải trả chứng quyền có đảm bảo được ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) như Thuyết minh 3(h), Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là một công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UPCOM, giá thị trường là giá đóng cửa tại UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, Công ty không trích lập dự phòng.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(f) Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản phải thu về cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập bằng cách tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(h) Chứng quyền có đảm bảo

Chứng quyền có bảo đảm cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có đảm bảo theo hướng dẫn của Thông tư số 23/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, Công ty ghi nhận khoản phải trả chứng quyền theo giá gốc và đồng thời theo dõi ngoại bảng số lượng chứng quyền được phép phát hành.

Chứng quyền đảm bảo được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được ghi nhận theo giá trị hợp lý sau ngày ghi nhận ban đầu.

Chi phí phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính khi phát sinh.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nâng cấp tài sản thuê	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Phương tiện vận chuyển	3 – 4 năm
Đồ đạc và trang bị văn phòng	5 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Công ty phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được PHS, ATS và Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc hoàn nhập số dư quỹ dự phòng tài chính vào lợi nhuận chưa phân phối. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(q) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán (“VSDC”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và mệnh giá của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(iv) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(v) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(r) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	181.967.755.066	196.820.272.609
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (i)	696.000.000.000	654.213.238.356
Các khoản phải thu về cho vay - gộp (ii)	2.874.796.226.533	2.951.919.275.244
Các khoản phải thu (ii)	51.291.372.400	74.788.081.049
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	3.773.839.584	3.964.076.031
Các khoản phải thu khác - gộp (ii)	13.808.912.532	12.786.514.140
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán	19.464.116.068	16.964.116.068
Tiền gửi có kỳ hạn - dài hạn	5.470.397.057	5.637.869.733
Tài sản dài hạn khác	10.079.572.716	10.059.454.943
	<hr/> 3.856.652.191.956	<hr/> 3.927.152.898.173 <hr/>



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản phải thu về cho vay và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Khách hàng có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ của họ không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo trong thời hạn quy định, nếu khách hàng không bổ sung tài sản đảm bảo, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của hợp đồng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu về cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán quá hạn từ 3 năm trở lên	11.593.764.091	11.174.224.109
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn trên 3 năm	3.316.267.434	4.443.207.793
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 2 đến 3 năm	49.061.211.115	-
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 1 đến 2 năm	-	48.291.197.147
	63.971.242.640	63.908.629.049

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị tổn thất:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại	3.282.870.350	4.280.532.790
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh</i>	5.620.250	966.990
▪ <i>Sàn UPCOM</i>	3.277.250.100	4.279.565.800
TSTC phong tỏa, tạm giữ	4.842.495.000	22.182.897.800
	8.125.365.350	26.463.430.590

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị tổn thất như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán quá hạn từ 3 năm trở lên	420.484.606	921.228.900
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 1 đến 2 năm	-	770.013.968
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn dưới 1 năm	5.694.219	-
	426,178,825	1,691,242,868

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	1.433.388.000.000	1.459.823.545.331	1.459.823.545.331
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	399.765.881.440	399.765.881.440	399.765.881.440
Phải trả người bán	713.921.382	713.921.382	713.921.382
Chi phí phải trả	8.635.491.827	8.635.491.827	8.635.491.827
Các khoản phải trả khác	2.110.615.668	2.110.615.668	2.110.615.668
	1.844.613.910.317	1.871.049.455.648	1.871.049.455.648
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	1.990.040.000.000	2.046.606.490.335	2.046.606.490.335
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	389.121.316.960	389.121.316.960	389.121.316.960
Phải trả người bán	66.259.697	66.259.697	66.259.697
Chi phí phải trả	12.125.926.733	12.125.926.733	12.125.926.733
Các khoản phải trả khác	11.720.335.629	11.720.335.629	11.720.335.629
	2.403.073.839.019	2.459.640.329.354	2.459.640.329.354

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ ("USD").

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	39.000.000	989.388.000.000	66.000.000	1.613.040.000.000
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	35.000.000	887.184.000.000	-	-
Vị thế tiền tệ ròng	4.000.000	102.204.000.000	66.000.000	1.613.040.000.000

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
USD/VND	25.551	24.440

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
USD (mạnh hơn 5% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế	4.088.160.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
USD (mạnh hơn 3% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế	38.712.960.000

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	181.967.755.066	196.820.272.609
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	696.000.000.000	654.213.238.356
Các khoản phải thu về cho vay thuần	2.827.261.242.984	2.921.367.768.104
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	19.464.116.068	16.964.116.068
Tài sản dài hạn khác	10.079.572.716	10.059.454.943
Vay ngắn hạn	(1.433.388.000.000)	(1.990.040.000.000)
	2.301.384.686.834	1.809.384.850.080

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục TSTC ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính như sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL				
• Cổ phiếu niêm yết	13.877.519.998	13.877.519.998	39.528.199.108	39.528.199.108
• Cổ phiếu đang ký giao dịch trên UPCOM	1.062.614.891	1.062.614.891	27.689.899	27.689.899
• Cổ phiếu chưa niêm yết	15.046.527	15.046.527	15.046.527	15.046.527
▪ Chứng chỉ quỹ	58.902.284.652	58.902.284.652	51.063.547.139	51.063.547.139
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	696.000.000.000	696.000.000.000	654.213.238.356	654.213.238.356
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	181.971.791.321	181.971.791.321	196.824.308.864	196.824.308.864
▪ Các khoản cho vay - thuần	2.827.261.242.984	(*)	2.921.367.768.104	(*)
▪ Các khoản phải thu	51.291.372.400	(*)	74.788.081.049	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	3.773.839.584	(*)	3.964.076.031	(*)
▪ Các khoản phải thu khác - thuần	5.498.018.791	(*)	5.892.822.821	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	19.464.116.068	(*)	16.964.116.068	(*)
▪ Ký quỹ, ký cược dài hạn	5.470.397.057	(*)	5.637.869.733	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	10.079.572.716	(*)	10.059.454.943	(*)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo FVTPL:</i>				
Phải trả chứng quyền	-	-	(6.479.570.000)	(6.479.570.000)
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>				
▪ Vay ngắn hạn	(1.433.388.000.000)	(*)	(1.990.040.000.000)	(*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(399.765.881.440)	(*)	(389.121.316.960)	(*)
▪ Phải trả người bán	(713.921.382)	(*)	(66.259.697)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(8.635.491.827)	(*)	(12.125.926.733)	(*)
▪ Phải trả khác	(2.110.615.668)	(*)	(11.720.335.629)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền mặt	4.036.255	4.036.255
Tiền gửi ngân hàng	38.426.066.789	91.369.899.758
Các khoản tương đương tiền (i)	143.541.688.277	105.450.372.851
	181.971.791.321	196.824.308.864

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 2,0% đến 4,8% (31/12/2023: từ 1,8% đến 3,8%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 53.541.688.277 VND (31/12/2023: 105.450.372.851 VND) được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2024		2023	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Của Công ty				
Cổ phiếu	3.879.030	144.096.024.910	11.318.382	331.662.575.670
Chứng khoán khác	2.513.700	8.726.454.000	36.467.249	141.520.479.530
b) Của nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	3.758.488.890	84.942.921.881.160	4.283.789.996	83.402.646.328.420
Trái phiếu	746.230	77.577.268.590	16.030.756	1.717.217.393.028
Chứng khoán khác	76.859.120	317.096.783.280	47.787.498	83.383.341.310
	3.842.486.970	85.490.418.411.940	4.395.393.881	85.676.430.117.958

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

7. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	13.758.762.493	13.877.519.998	38.225.051.062	39.528.199.108
Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	1.159.814.891	1.062.614.891	27.689.899	27.689.899
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.046.527	15.046.527	15.046.527	15.046.527
Chứng chỉ quỹ	50.000.000.000	58.902.284.652	50.000.000.000	51.063.547.139
	<u>64.933.623.911</u>	<u>73.857.466.068</u>	<u>88.267.787.488</u>	<u>90.634.482.673</u>



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của TSTC ghi nhận theo FVTPL tại ngày báo cáo như sau:

	Số lượng	31/12/2024		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2024		
		Giá gốc VND (1)	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
Cổ phiếu niêm yết						
VCB	28.000	2.541.924.444	2.553.600.000	11.675.556	-	2.553.600.000
CTG	43.000	1.317.263.568	1.625.400.000	308.136.432	-	1.625.400.000
BID	30.000	1.255.050.350	1.126.500.000	-	128.550.350	1.126.500.000
DHG	11.000	1.203.971.615	1.142.900.000	-	61.071.615	1.142.900.000
SAB	20.000	1.124.455.556	1.110.000.000	-	14.455.556	1.110.000.000
Các cổ phiếu khác	138.800	6.316.096.960	6.319.119.998	170.042.228	167.019.190	6.319.119.998
	270.800	13.758.762.493	13.877.519.998	489.854.216	371.096.711	13.877.519.998
UPCOM						
Các cổ phiếu khác	26.735	1.159.814.891	1.062.614.891	-	97.200.000	1.062.614.891
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Các cổ phiếu khác	1.086	15.046.527	15.046.527	-	-	15.046.527
Chứng chỉ quỹ						
PHVSF	4.821.109	50.000.000.000	58.902.284.652	8.902.284.652	-	58.902.284.652
	5.119.730	64.933.623.911	73.857.466.068	9.392.138.868	468.296.711	73.857.466.068

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số lượng	31/12/2023	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2023		
		Giá gốc VND (1)		Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
Cổ phiếu niêm yết						
HPG	921.000	24.596.477,091	25.741.950.000	1.145.472.909	-	25.741.950.000
DHG	17.600	1.913.697,686	1.830.400.000	3.935.692	87.233.378	1.830.400.000
VNM	25.020	1.792.863,244	1.691.352.000	-	101.511.244	1.691.352.000
Các cổ phiếu khác	256.813	9.922.013,041	10.264.497.108	832.376.712	489.892.645	10.264.497.108
	1.220.433	38.225.051,062	39.528.199.108	1.981.785.313	678.637.267	39.528.199.108
UPCOM						
Các cổ phiếu khác	728	27.689.899	27.689.899	-	-	27.689.899
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Các cổ phiếu khác	1.086	15.046.527	15.046.527	-	-	15.046.527
Chứng chỉ quỹ						
PHVSF	4.821.109	50.000.000.000	51.063.547.139	1.063.547.139	-	51.063.547.139
	6.043.356	88.267.787,488	90.634.482,673	3.045.332,452	678.637,267	90.634.482,673

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản tài chính (tiếp theo)****(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm	626.000.000.000	(*)	654.213.238.356	(*)
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm và kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	70.000.000.000	(*)	-	-
	696.000.000.000		654.213.238.356	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 566.000.000.000 VND (31/12/2023: 564.213.238.356 VND) được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, lãi suất năm tiền gửi có kỳ hạn dao động từ 2,3% đến 5,7% (31/12/2023: từ 2,5% đến 8,7%).

(c) Các khoản phải thu về cho vay

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	2.739.085.479.371	(*)	2.890.043.967.369	(*)
Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (ii)	135.710.747.162	(*)	61.875.307.875	(*)
	2.874.796.226.533		2.951.919.275.244	

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất năm từ 8,5% đến 14,8% (31/12/2023: từ 10,0% đến 13,5%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu dao động từ 50% đến 90% (31/12/2023: từ 50% đến 90%) và tỷ lệ ký quỹ duy trì dao động từ 30% đến 70% (31/12/2023: từ 30% đến 70%).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất năm dao động từ 9,5% đến 13,5% (31/12/2023: từ 10,5% đến 13,5%).

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***8. Các khoản phải thu**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Lãi dự thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	36.007.631.811	50.865.657.812
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	15.283.740.589	22.028.335.567
Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi	-	1.894.087.670
	<hr/>	<hr/>
	51.291.372.400	74.788.081.049

9. Phải thu các dịch vụ cung cấp

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu từ hoạt động thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	1.275.987.800	1.461.969.950
Phải thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán	1.604.164.966	1.770.230.617
Phải thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	472.364.410	491.051.396
Phải thu khác	421.322.408	240.824.068
	<hr/>	<hr/>
	3.773.839.584	3.964.076.031

10. Các khoản phải thu khác

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán	12.014.248.697	12.095.453.009
Phải thu khác	1.794.663.835	691.061.131
	<hr/>	<hr/>
	13.808.912.532	12.786.514.140

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi

(a) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

	Tại ngày 31/12/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Cho vay giao dịch ký quỹ và lãi dự thu	52.377.478.549	4.842.495.000	47.534.983.549
<hr/>			
	Tại ngày 31/12/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Cho vay giao dịch ký quỹ và lãi dự thu	52.734.404.940	22.182.897.800	30.551.507.140
<hr/>			

Biến động của dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	30.551.507.140	13.161.395.486
Dự phòng trích lập trong năm	17.999.697.389	17.390.111.654
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.016.220.980)	-
Số dư cuối năm	47.534.983.549	30.551.507.140

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Dự phòng phải thu khó đòi

	Tại ngày 31/12/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.593.764.091	3.282.870.350	8.310.893.741
	Tại ngày 31/12/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.174.224.109	4.280.532.790	6.893.691.319
Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:			
		2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm		6.893.691.319	7.453.138.926
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm		1.417.202.422	(559.447.607)
Số dư cuối năm		8.310.893.741	6.893.691.319

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Bảo trì phần mềm	1.890.363.353	725.350.312
Chi phí thuê trả trước	373.678.763	519.961.414
Các chi phí khác	2.910.511.381	3.251.991.743
	<hr/>	<hr/>
	5.174.553.497	4.497.303.469
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	2.617.840.688	5.382.643.332
Phần mềm	1.979.918.254	2.657.600.356
Thiết bị công nghệ thông tin	165.065.810	1.304.324.849
Nâng cấp văn phòng	4.705.960.583	8.593.137.409
Các chi phí khác	683.294.638	350.083.414
	<hr/>	<hr/>
	10.152.079.973	18.287.789.360
	<hr/>	<hr/>

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	18.287.789.360	16.785.221.733
Tăng trong năm	2.099.264.908	7.886.872.588
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.186.551.504	5.118.797.232
Phân bổ trong năm	(11.421.525.799)	(11.503.102.193)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.152.079.973	18.287.789.360
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

2024

	Năng cấp tài sản thuế VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	601.182.219	43.466.790.576	2.265.440.000	895.988.569	47.229.401.364
Tăng trong năm	-	4.548.830.000	-	-	4.548.830.000
Chuyển qua từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	33.912.000	33.912.000
Số dư cuối năm	601.182.219	48.015.620.576	2.265.440.000	929.900.569	51.812.143.364
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	601.182.219	30.264.610.613	2.265.440.000	293.143.467	33.424.376.299
Khấu hao trong năm	-	6.227.450.318	-	185.433.147	6.412.883.465
Số dư cuối năm	601.182.219	36.492.060.931	2.265.440.000	478.576.614	39.837.259.764
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	13.202.179.963	-	602.845.102	13.805.025.065
Số dư cuối năm	-	11.523.559.645	-	451.323.955	11.974.883.600



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2023	Năng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	601.182.219	42.761.030.634	2.265.440.000	453.522.969	46.081.175.822
Tăng trong năm	-	1.323.886.190	-	51.805.440	1.375.691.630
Chuyển qua từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	390.660.160	390.660.160
Thanh lý	-	(618.126.248)	-	-	(618.126.248)
Số dư cuối năm	601.182.219	43.466.790.576	2.265.440.000	895.988.569	47.229.401.364
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	601.182.219	25.517.197.597	1.985.556.935	140.855.117	28.244.791.868
Phân bổ trong năm	-	5.365.539.264	279.883.065	152.288.350	5.797.710.679
Thanh lý	-	(618.126.248)	-	-	(618.126.248)
Số dư cuối năm	601.182.219	30.264.610.613	2.265.440.000	293.143.467	33.424.376.299
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	17.243.833.037	279.883.065	312.667.852	17.836.383.954
Số dư cuối năm	-	13.202.179.963	-	602.845.102	13.805.025.065

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 18.597.988.925 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (31/12/2023: 16.813.082.725 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	2024 Phần mềm máy vi tính VND	2023 Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm và cuối năm	26.091.616.400	25.271.616.400
Tăng trong năm	4.844.000.000	340.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.944.100.000	480.000.000
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	36.879.716.400	26.091.616.400
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	16.151.326.956	13.087.003.384
Khấu hao trong năm	3.955.776.709	3.064.323.572
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	20.107.103.665	16.151.326.956
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	9.940.289.444	12.184.613.016
Số dư cuối năm	16.772.612.735	9.940.289.444
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 8.596.466.400 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (31/12/2023: 8.596.466.400 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

15. Ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và xe hơi	5.470.397.057	5.637.869.733
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	20%	10.505.921.972	6.600.398.133
Chi phí trích trước	20%	420.177.060	426.212.472
Chênh lệch giảm đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	93.659.342	37.853.642
		<hr/>	<hr/>
		11.019.758.374	7.064.464.247
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	(1.878.427.774)	(473.339.036)
		<hr/>	<hr/>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại – thuần		9.141.330.600	6.591.125.211

17. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	16.964.116.068	14.464.116.068
Tiền nộp thêm trong năm	1.672.969.148	1.884.661.158
Tiền lãi nhận được trong năm	827.030.852	615.338.842
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	19.464.116.068	16.964.116.068

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***18. Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Quỹ bù trừ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh	10.079.572.716	10.059.454.943

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán ban hành về Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh (“Quỹ bù trừ”) bằng tiền hoặc chứng khoán. Mức đóng góp ban đầu tối thiểu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung.

Biến động tiền gửi tại Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.059.454.943	10.039.238.233
Thu nhập lãi	20.117.773	20.216.710
Số dư cuối năm	10.079.572.716	10.059.454.943



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

Diễn giải	Nguyên tệ	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2024 VND	Số vay trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2024 VND
Khoản vay ngắn hạn từ						
▪ Ngân hàng trong nước	VND	377.000.000.000	3.909.323.000.000	(3.842.323.000.000)	-	444.000.000.000
▪ Ngân hàng nước ngoài	USD	1.613.040.000.000	3.981.124.000.000	(4.599.034.000.000)	(5.742.000.000)	989.388.000.000
		1.990.040.000.000	7.890.447.000.000	(8.441.357.000.000)	(5.742.000.000)	1.433.388.000.000

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng là 53.541.688.277 VND (31/12/2023: 105.450.372.851 VND) (Thuyết minh 5) và 566.000.000.000 VND (31/12/2023: 564.213.238.356 VND) (Thuyết minh 7(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 4,0% đến 6,7% (31/12/2023: 3,0% đến 7,7%).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	302.444.042.910	294.490.534.600
Thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	96.446.838.530	78.743.108.360
Chứng quyền có đảm bảo phải trả	-	6.479.570.000
Phải trả khác	875.000.000	9.408.104.000
	399.765.881.440	389.121.316.960

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

2024	Số dư đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm	
				Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.876.238.675	2.783.054.935	(8.719.340.658)	2.060.047.048	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.122.225.824	96.152.852.799	(95.898.783.462)	-	7.376.295.161
Thuế giá trị gia tăng	15.828.533	118.234.429	(133.717.487)	-	345.475
Thuế nhà thầu nước ngoài	968.005.930	11.925.617.606	(12.113.724.738)	-	779.898.798
	11.982.298.962	110.979.759.769	(116.865.566.345)	2.060.047.048	8.156.539.434

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2023	Số dư đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm	
				Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.875.701.514	14.535.289.259	(14.534.752.098)	-	3.876.238.675
Thuế thu nhập cá nhân	10.232.466.822	97.203.493.389	(100.313.734.387)	-	7.122.225.824
Thuế giá trị gia tăng	20.445.759	112.809.097	(117.426.323)	-	15.828.533
Thuế nhà thầu nước ngoài	1.126.398.046	12.485.057.726	(12.643.449.842)	-	968.005.930
	15.255.012.141	124.007.245.731	(127.279.958.910)	-	11,982,298,962

22. Chi phí phải trả

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chi phí cho nhân viên	8.929.587.973	11.185.869.371
Chi phí giao dịch chứng khoán	2.670.256.292	3.240.189.252
Chi phí lãi	3.434.719.656	5.820.169.366
Phí tư vấn	124.877.920	92.803.065
Các chi phí khác	2.405.637.959	2.972.765.050
	17.565.079.800	23.311.796.104

23. Các khoản phải trả khác

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả cổ tức	2.095.392.513	1.823.928.393
Các khoản phải trả cho khách hàng	10.000.000	9.884.000.000
Các khoản phải trả khác	5.223.155	12.407.236
	2.110.615.668	11,720,335,629

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

(a) Vốn cổ phần được duyệt và phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	200.009.819	2.000.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	200.009.819	2.000.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(490)	(1.185.000)	(490)	(1.185.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	200.009.329	2.000.097.005.000	150.009.329	1.500.097.005.000

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	2024		2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	150.009.819	1.500.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	50.000.000	500.000.000.000	-	-
Số dư cuối năm	200.009.819	2.000.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000

Danh sách các cổ đông góp vốn như sau:

Cổ đông	31/12/2024		31/12/2023	
	VND	%	VND	%
Phu Hung Far East Holding Corporation	920.046.000.000	46,00	690.046.000.000	46,00
New Beam International Inc	416.767.450.000	20,84	261.767.450.000	17,45
Cat Tinh Development Limited	99.581.770.000	4,98	2.581.770.000	0,17
Dong Bang Development Limited	90.904.860.000	4,55	72.904.860.000	4,86
Các cổ đông khác	472.798.110.000	23,63	472.798.110.000	31,52
	2.000.098.190.000	100	1.500.098.190.000	100

25. Cổ tức

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 45.002 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (2023: 30.002 triệu VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

26. Lãi/(lỗ) từ bán tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL

2024	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL					
<i>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM</i>					
HPG	1.126.100	29.052	32.715.830.000	30.307.174.067	2.408.655.933
VCG	151.167	19.724	2.981.616.050	3.277.649.569	(296.033.519)
RAL	16.800	138.348	2.324.240.000	2.022.620.800	301.619.200
SSI	60.000	35.986	2.159.150.000	2.178.850.000	(19.700.000)
GAS	41.000	75.971	3.114.800.000	3.168.780.000	(53.980.000)
SZC	65.000	41.901	2.723.575.000	2.204.289.860	519.285.140
BMP	17.000	104.027	1.768.460.000	1.480.974.836	287.485.164
PVD	53.000	30.504	1.616.700.000	1.571.736.904	44.963.096
Khác	884.563	41.017	36.282.373.860	35.531.367.541	751.006.319
	2.414.630	35.486	85.686.744.910	81.743.443.577	3.943.301.333
Chứng quyền					
CHPG2314	2.424.100	3.244	7.862.635.789	8.733.303.500	(870.667.711)
	4.838.730	19.333	93.549.380.699	90.476.747.077	3.072.633.622

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2023	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL					
<i>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM</i>					
STB	2.474.626	28.355	70.168.706.700	73.361.309.866	(3.192.603.166)
HPG	1.841.327	26.461	48.723.664.300	48.213.453.160	510.211.140
SAB	38.920	97.973	3.813.120.000	4.352.695.917	(539.575.917)
FPT	34.653	82.812	2.869.696.800	2.719.242.403	150.454.397
GAS	24.040	102.373	2.461.045.100	2.415.555.913	45.489.187
MBB	105.673	19.631	2.074.443.650	1.937.748.694	136.694.956
BVH	46.953	41.717	1.958.736.500	2.310.531.609	(351.795.109)
HCM	55.545	29.866	1.658.905.400	1.509.753.851	149.151.549
KDH	50.789	31.492	1.599.422.400	1.600.247.965	(825.565)
VCG	57.600	24.860	1.431.955.000	1.196.833.681	235.121.319
Khác	406.196	29.737	12.078.963.350	12.370.400.130	(291.436.780)
	5.136.322	28.978	148.838.659.200	151.987.773.189	(3.149.113.989)
Chứng quyền					
CHPG2303	1.781.200	2.524	4.495.860.000	4.867.811.000	(371.951.000)
CHPG2314	7.592.600	3.546	26.922.017.211	26.779.793.000	142.224.211
CSTB2311	6.466.600	2.158	13.954.862.000	9.334.663.500	4.620.198.500
	15.840.400	2.864	45.372.739.211	40.982.267.500	4.390.471.711
	20.976.722	9.258	194.211.398.411	192.970.040.689	1.241.357.722

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

27. Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	2024 VND	2023 VND
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	37.337.733.669	73.112.766.792

28. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	268.041.189.527	302.772.368.474
Thu nhập tiền lãi từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán	10.492.234.820	11.502.269.856
	278.533.424.347	314.274.638.330

29. Chi phí môi giới chứng khoán

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương cho nhân viên	51.897.823.423	51.644.510.393
Hoa hồng cho nhân viên môi giới	51.719.158.421	54.464.670.720
Phí môi giới chứng khoán	30.886.469.119	30.942.476.059
Chi phí thuê	15.441.300.505	14.228.900.027
Chi phí công cụ và dụng cụ	3.099.750.388	3.752.495.471
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	526.632.944	428.675.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.343.689.482	10.937.337.266
Chi phí khác	1.862.725.136	2.465.477.501
	166.777.549.418	168.864.542.818

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

30. Chi phí lãi

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	127.618.442.639	148.176.944.209
Chi phí lãi cho tiền gửi của khách hàng cho các giao dịch chứng khoán	1.187.610.102	948.813.246
	<hr/>	<hr/>
	128.806.052.741	149.125.757.455

31. Chi phí quản lý

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương cho nhân viên	45.734.078.921	43.867.319.220
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	9.842.027.230	8.433.358.870
Chi phí thuê	7.587.180.882	7.524.266.211
Chi phí công cụ và dụng cụ	9.082.983.587	7.473.503.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.555.188.185	31.516.121.263
Chi phí khác	3.878.525.471	4.352.192.396
	<hr/>	<hr/>
	106.679.984.276	103.166.761.773



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	2.780.505.495	14.468.237.096
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.549.440	67.052.163
	<hr/> 2.783.054.935	<hr/> 14.535.289.259
Lợi ích thuế hoãn lại		
(Hoàn nhập)/phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(2.550.205.389)	(2.886.841.301)
	<hr/> 232.849.546	<hr/> 11.648.447.958

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	340.912.582	56.199.240.960
	<hr/> 68.182.516	<hr/> 11.239.848.192
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	276.641.814	406.085.919
Chi phí không được khấu trừ thuế	(114.524.224)	(64.538.316)
Thu nhập không bị tính thuế	2.549.440	67.052.163
Dự phòng thiếu trong những năm trước	<hr/> 232.849.546	<hr/> 11.648.447.958

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	108.063.036	44.550.793.002

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2024 VND	2023 VND
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	150.009.819	150.009.819
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	4.508.197	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Công ty đang nắm giữ	(490)	(490)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	154.517.526	150.009.329

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0,7	297

Công ty không có bất kỳ cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu không được trình bày.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Cổ đông lớn		
Phu Hung Far East Holding Corporation		
Cổ tức bằng tiền đã trả	20.701.380.000	13.800.920.000
Góp vốn	230.000.000.000	-
New Beam International Inc		
Cổ tức bằng tiền đã trả	7.853.023.500	5.235.349.000
Góp vốn	155.000.000.000	-
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	86.697.379	85.755.017
An Thịnh Development Limited		
Cổ tức bằng tiền đã trả	5.234.220.000	11.305.394.400
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái (i)		
Cổ tức bằng tiền đã trả	2.242.024.500	1.494.683.000
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	24.751.951	24.482.909
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng (ii)		
Cổ tức bằng tiền đã trả	941.054.100	627.369.400
Phí bảo hiểm	85.972.476	84.466.880
Phí quản lý sổ cổ đông	27.272.725	27.272.727
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	10.445.625	10.329.580
Freshfields Capital Corporation (iii)		
Cổ tức bằng tiền đã trả	387.145.800	258.097.200
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	4.274.089	4.227.632
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (iv)		
Phí dịch vụ	1.228.290.323	3.581.516.129
Phí giao dịch	42.748.621	303.379
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng (v)		
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	4.515.245	4.297.858
Phí quản lý sổ cổ đông	45.328.285	45.454.545

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)

	Số dư tại ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Cổ đông lớn		
An Thịnh Development Limited		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	3.087.017	3.087.017
New Beam International Inc		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	7.538.903	10.178.971
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái (i)		
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	70.446.185	52.336.500
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng (ii)		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	908.563	822.961
Doanh thu chưa thực hiện	9.604.107	-
Freshfields Capital Corporation (iii)		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	371.660	336.817
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (iv)		
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	-	1.250
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng (v)		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	-	151.573
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	1.085.121.900	6.567.365
Doanh thu chưa thực hiện	11.742.422	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2024	2023
	VND	VND
Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.999.683.502	1.851.993.356
Người quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.865.111.265	2.555.327.684
Thành viên Ban kiểm soát		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	720.000.000	720.000.000
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Doan Hùng – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Wu, Jin-Jeng – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Chen Chia Ken – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Bà Liu, Hsiu-Mei – Thành viên	240.000.000	240.000.000

- (i) Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái – Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái là Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (ii) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng – Phó Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng là Trưởng Ban Kiểm Soát của Công ty.
- (iii) Freshfields Capital Corporation – Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Freshfields Capital Corporation là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (iv) Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (v) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng

Một thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.

Một thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng là Tổng Giám Đốc của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

35. Báo cáo bộ phận

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, kinh doanh nguồn vốn và các bộ phận khác.

	Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
2024						
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	146.796.428.959	12.554.313.374	339.470.805.587	7.828.166.076	506.649.713.996
2. Chi phí trực tiếp	02	166.250.916.474	7.005.432.232	294.780.132.582	9.055.184.242	477.091.665.530
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	03	526.632.944	-	9.842.027.230	-	10.368.660.174
4. Dự phòng giảm giá đầu tư	04	-	(399.608.767)	-	-	(399.608.767)
5. Dự phòng phải thu khó đòi	05	-	-	19.416.899.811	-	19.416.899.811
6. Thu nhập khác – thuần	06	-	-	-	308.753.709	308.753.709
7. Chi phí khác	07	-	-	-	139.938.375	139.938.375
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (08 = 01 + 06 - 02 - 03 - 04 - 05 - 07)	08	(19.981.120.459)	5.948.489.909	15.431.745.964	(1.058.202.832)	340.912.582
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Tài sản bộ phận		52.338.768.395	73.919.649.233	3.803.027.149.955	2.079.801.674	3.931.365.369.257
Nợ phải trả bộ phận		407.347.110.448	262.089.707	1.456.135.987.352	522.371.003	1.864.267.558.510

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

36. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Trong vòng một năm	22.938.870.704	26.763.954.317
Từ hai đến năm năm	17.344.063.347	38.159.173.523
	<hr/>	<hr/>
	40.282.934.051	64.923.127.840

Ngày 5 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc



TỜ TRÌNH

**Báo Cáo của Hội Đồng Quản Trị
kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cơ cấu của Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng nhiệm kỳ 2022 – 2025 có 05 thành viên:

Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Wu, Jin - Jeng	Thành viên HĐQT
Ông Chen Chia Ken	Thành viên HĐQT
Bà Liu, Hsiu - Mei	Thành viên Độc lập HĐQT

2. Tổng kết các cuộc họp, nghị quyết và công tác giám sát của HĐQT năm 2024

HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) hiện có năm (05) người gồm một (01) Chủ tịch và bốn (04) thành viên. HĐQT được ủy quyền thực hiện tất cả các nhiệm vụ và quyết định liên quan đến công ty, ngoại trừ các quyền dành cho Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ). Các hoạt động của HĐQT được quy định theo Điều 33 của Điều lệ Công ty.

Trong năm 2024, HĐQT tổ chức 08 cuộc họp, mục đích để Quyết định các hoạt động kinh doanh cho từng thời kỳ phù hợp với mục tiêu phát triển chung của công ty, các công việc cụ thể như sau:

- Xem xét và phê duyệt báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động môi giới, các kế hoạch hoạt động, kinh doanh hàng tháng;
- Thông qua Chương trình nghị sự và các tài liệu dùng trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 (Đại hội) ngày 17/04/2024;
- Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023;

- Thông qua Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán ngày 31/12/2023;
- Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023;
- Thông qua Báo cáo quản trị công ty năm 2023;
- Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023;
- Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng vốn;
- Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua Kế hoạch xử lý nợ khó đòi;
- Thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của công ty năm 2024;
- Thông qua Dự toán ngân sách tài chính năm 2024;
- Thông qua Thủ lao dành cho từng thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát (BKS) năm 2024;
- Thông qua Việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức của công ty;
- Thông qua Việc sửa đổi chính sách Quản lý Rủi ro;
- Thông qua Việc sửa đổi, bổ sung quy chế kiểm toán nội bộ và quy trình thực hiện công việc của khối Kiểm toán nội bộ;
- Thông qua Việc thay đổi địa chỉ Chi nhánh Quận 3;
- Thông qua Việc đóng cửa chi nhánh Hà Nội và miễn nhiệm Giám đốc chi nhánh Hà Nội;
- Ngoài ra, HĐQT thường xuyên cập nhật, giám sát hoạt động kinh doanh hàng tháng của Công ty và kịp thời đưa ra các chỉ đạo phù hợp tình hình thực tế.

3. Đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị về hoạt động của Hội đồng Quản trị

Năm 2024, HĐQT đảm bảo số lượng các cuộc họp và triệu tập thành viên tham gia họp đáp ứng các yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả. HĐQT xác định rõ vai trò của mỗi thành viên, đặc biệt là giữa thành viên độc lập HĐQT và thành viên HĐQT điều hành. Hoạt động của HĐQT năm 2024 tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, quy chế quản trị công ty.

HĐQT thông qua các Nghị quyết phù hợp với chiến lược kinh doanh tại từng thời điểm, đồng thời giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, thường xuyên rà soát và điều chỉnh các chính sách, quy định của công ty nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời với những thay đổi trong tình hình kinh tế và thị trường.

HĐQT đưa ra định hướng và chỉ đạo giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc (TGD), đảm bảo sự điều hành phù hợp với các quy định và chính sách hiện hành.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG NĂM 2024

1. Kết quả hoạt động

Ngày 24/12/2024, công ty nhận Giấy phép điều chỉnh số 102/GPĐC-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán.

2. Kết quả kinh doanh

Số liệu kinh doanh năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	2024
Tổng tài sản	3.931.365.369.257
Tổng nợ phải trả	1.864.267.558.510
Vốn chủ sở hữu	2.067.097.810.747
Doanh thu	506.649.713.996
Kết quả hoạt động	172.097.248
Lợi nhuận trước thuế	340.912.582
Lợi nhuận sau thuế	108.063.036

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	
Chỉ số thanh toán hiện hành	2,06
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	
Nợ phải trả / Tổng tài sản	0,47
Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	0,90
3. Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động	
Vòng quay tổng tài sản	0,13
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	0,00003
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	0,00007
5. Chỉ tiêu về giá cổ phiếu (VNĐ)	
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu – cơ bản (EPS)	1
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BPS)	10.335

Kết quả kinh doanh năm 2024 của công ty chịu ảnh hưởng đồng thời từ các yếu tố tích cực và tiêu cực của thị trường trong nước và quốc tế. Tổng doanh thu cả năm đạt 506,64 tỷ đồng giảm 15,5% so với năm trước đó, đạt 67,9% kế hoạch năm do ĐHĐCĐ phê duyệt. Năm 2024, công ty đã thu về lợi nhuận sau thuế, 108 triệu đồng. Công ty luôn nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch kinh doanh do các cổ đông đề ra trong ĐHĐCĐ thường niên.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban TGD điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng TGD và Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Công ty đã hoàn thành việc thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng vốn, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2024. Công ty đã nhận được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 102/GPĐC-UBCK ngày 24/12/2024, qua đó tăng vốn điều lệ lên 2.000.098.190.000 đồng. HĐQT đã thực hiện việc cập nhật vốn điều lệ mới vào Điều lệ công ty.

Công ty cũng đã hoàn thành thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết số 01/86_0424/NQ-HĐQT ngày 30/05/2024.

Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và các cổ đông.

IV. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT

Năm 2024, ĐHĐCĐ đã thông qua thù lao cho HĐQT và BKS là 1,920,000,000 đồng, thực chi là 1,680,000,000 đồng như đề cập trong tờ trình về dự toán ngân sách tài chính năm 2024. Thù lao của từng thành viên HĐQT được công bố tại báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.

Ông Chen Chia Ken là thành viên HĐQT kiêm TGD, do đó, ngoài thù lao, ông Chen Chia Ken được nhận tiền lương theo vị trí.

V. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2025 được kỳ vọng sẽ là một năm mang tính bước ngoặt đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, nhờ cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và khả năng nâng hạng thị trường từ "Cận Biên" lên "Mới Nổi" bởi FTSE. Các công ty chứng khoán, bao gồm PHS, đã chuẩn bị kỹ lưỡng cho những thay đổi này. PHS đã ra mắt ứng dụng di động mới, PHS Elite, cung cấp các tính năng hiện đại cho phép khách hàng giao dịch và theo dõi thông tin tài chính mọi lúc, mọi nơi. Bên cạnh đó, PHS không ngừng mở rộng dịch vụ và đa dạng hóa sản phẩm tài chính, bao gồm chứng khoán phái sinh và chứng quyền có bảo đảm, nhằm đáp ứng nhu cầu của cả nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Với định hướng 2025 của công ty sẽ tiếp tục tập trung về dịch vụ, sáng tạo, sản phẩm, các giải pháp cho từng mảng kinh doanh đã được xác lập cụ thể để PHS đạt được mục tiêu trên. Cụ thể:

- a) Lấy khách hàng làm trung tâm: nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua tối ưu hóa quy trình, các công cụ quản lý danh mục đầu tư hiện đại và cá nhân hóa dịch vụ tư vấn.
- b) Chuyển đổi số: tăng cường các sản phẩm kỹ thuật số bằng cách nâng cấp nền tảng giao dịch với khả năng phân tích theo thời gian thực, tích hợp tin tức thị trường và thông tin được hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo (AI).
- c) Kiến thức cho nhà đầu tư: triển khai các chương trình đào tạo toàn diện và tổ chức hội thảo dành cho khách hàng cá nhân và tổ chức, tập trung vào việc cập nhật các quy định pháp lý và chiến lược thị trường.

- d) Tích hợp công nghệ: ứng dụng AI và học máy (Machine Learning) để cải thiện thuật toán giao dịch, tối ưu hóa quản lý rủi ro và nâng cao hiệu quả giám sát tuân thủ.
- e) Danh mục sản phẩm đa dạng: mở rộng cung cấp sản phẩm như ETF, sản phẩm cấu trúc và công cụ phái sinh được thiết kế phù hợp với nhu cầu thị trường.
- f) Giải pháp riêng biệt tùy chỉnh: phát triển các công cụ tài chính và sản phẩm giao dịch ký quỹ, đáp ứng nhu cầu của khách hàng tổ chức và cá nhân có giá trị tài sản ròng cao.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.
Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ALBERT KWANG-CHIN TING

TỜ TRÌNH

Báo cáo của Ban Kiểm Soát về tình hình hoạt động Công ty năm 2024

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán KPMG;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty năm 2024;
- Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;

Thay mặt cho Ban Kiểm soát Công ty, tôi kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc thẩm định tình hình hoạt động của Công ty năm 2024 như sau:

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

Ban Kiểm soát xác nhận số liệu về tình hình tài chính của Công ty trong Báo cáo tài chính năm 2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý.

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC VÀ QUY ĐỊNH CÔNG TY

Công ty tuân thủ đúng với những quy định trong Luật Chứng khoán và những quy định khác của Nhà nước, cụ thể là:

- Về tỷ lệ an toàn tài chính: Công ty thực hiện và gửi báo cáo về Tỷ lệ An toàn Tài chính định kỳ đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13/11/2020 và Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31/12/2020.
- Về hạn mức đầu tư: đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 28 trong Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31/12/2020.
- Về công bố thông tin: đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020.

- d. Những quy định khác như Quy chế giao dịch đối với thành viên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, cũng như quy định đối với tổ chức niêm yết và quy định về thuế và sử dụng lao động cũng được tuân thủ nghiêm chỉnh và đầy đủ.

3. NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT

- a. Ban Tổng Giám đốc đã chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và nhìn chung, hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở mang lại lợi ích cho Công ty.
- b. Trong năm tài chính 2024, Công ty đã nghiêm túc chấp hành và tuân thủ quy định của pháp luật và không có khiếu nại của cổ đông đối với hoạt động của Công ty.
- c. Công ty đã hoàn chỉnh công tác kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro để tất cả các Chi nhánh/Phòng giao dịch trực thuộc Công ty luôn đi vào nề nếp với một phương hướng đúng đắn và đảm bảo Công ty phát triển bền vững lâu dài.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



LIEW SEP SIANG

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng

Đính kèm:

Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


ALBERT KWANG-CHIN TING

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Số: 02/2024/BC-PHS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
NĂM 2024**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (PHS)**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-28) 54135479 Fax: (84-28) 54135472
- Vốn điều lệ: 2.000.098.190.000 VNĐ
- Mã chứng khoán: PHS
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ (Đã thực hiện/ Chưa thực hiện): Đã thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng Cổ đông.

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1.	01/2024/NQ-ĐHĐCĐ	17/4/2024	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023; 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023; 3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023; 4. Thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2023; 5. Thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty trong năm 2024; 6. Thông qua Dự toán ngân sách năm 2024; 7. Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2024; 8. Thông qua Kế hoạch xử lý nợ khó đòi; 9. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm phù hợp và tiến hành thủ tục chi trả cổ tức cho cổ đông; 10. Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ; 11. Thông qua việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; 12. Thông qua việc Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Bà Kuo, Ping Min và bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát. 13. Thông qua việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức của Công ty.

II. Hội đồng Quản trị (Năm 2024):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị (HDQT):

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ (thành viên HDQT độc lập, TV HDQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT/HDQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	06/4/2016	-
2.	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên	06/4/2016	-
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên	06/4/2016	-
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên	06/4/2016	-
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập	17/4/2019	-

2. Các cuộc họp HDQT:

STT	Thành viên HDQT	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	08	100%	-
2.	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	08	100%	-
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	08	100%	-
4.	Ông Chen Chia Ken	08	100%	-
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	08	100%	-

3. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thực hiện đúng những nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao trên tinh thần tuân thủ pháp luật và những quy định nội bộ của PHS. Những hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc được thể hiện thông qua các báo cáo hàng tháng của Ban Tổng Giám đốc và được thể hiện trong các Biên bản họp của Hội đồng Quản trị.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có):

PHS không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị nên không có hoạt động nào để báo cáo.

5. Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị (Năm 2024):

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	01/83_0124/NQ-HĐQT	24/01/2024	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Dự phòng nợ phải thu (kỳ quỹ) tại ngày 31/12/2023; 2. Thông qua Dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 31/12/2023; 3. Thông qua Chính sách Quản lý rủi ro năm 2024. 	100%
2.	01/84_0224/NQ-HĐQT	28/02/2024	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Ngày đăng ký cuối cùng, ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên; 2. Thông qua việc tăng và gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng KGI. 	100%
3.	01/85_0324/NQ-HĐQT	22/03/2024	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Chương trình nghị sự và các tài liệu dùng trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 17/04/2024; 2. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023; 3. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023; 4. Thông qua báo cáo quản trị công ty năm 2023; 5. Thông qua kế hoạch phát triển và kinh doanh công ty trong năm 2024; 6. Thông qua dự toán ngân sách tài chính năm 2024; 7. Thông qua phương án xử lý nợ khó đòi; 8. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị để xác định thời điểm và tiến hành thủ tục trả cổ tức cho cổ đông; 	100%

			<p>9. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ;</p> <p>10. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>11. Thông qua việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức của PHS;</p> <p>12. Thông qua giấy ủy quyền cho ông Chen Chia Ken – thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc làm Chủ tọa đại hội và ký những văn bản liên quan đến đại hội ngày 17/04/2024;</p> <p>13. Thông qua báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán ngày 31/12/2023;</p> <p>14. Thông qua việc gia hạn hợp đồng thấu chi với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;</p> <p>15. Thông qua việc gia hạn và tăng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Quốc tế Taishin;</p> <p>16. Thông qua điều kiện chào bán Chứng quyền có bảo đảm phát hành trong năm 2024.</p>	
4.	01/86_0424/NQ-HĐQT	30/05/2024	<p>1. Thông qua dự phòng nợ phải thu (kỳ quỹ) tại ngày 31/03/2024;</p> <p>2. Thông qua dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 31/03/2024;</p> <p>3. Thông qua thủ lao dành cho từng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024;</p> <p>4. Thông qua việc điều chỉnh và bổ sung Quy chế Phòng Chống Rửa Tiền;</p>	100%

			<p>5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và tăng hạn mức rủi ro trước thanh toán với Ngân hàng Cathay United – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và cấp hạn mức rủi ro trước thanh toán mới với Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun – chi nhánh Đồng Nai;</p> <p>7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức rủi ro trước thanh toán mới với Ngân hàng Thương Mại Taipei Fubon – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Quốc tế Mega – chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh;</p> <p>9. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Đồng Nai;</p> <p>10. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>11. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Hua Nan – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>12. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Chang Hwa – chi nhánh HSI-Sung;</p> <p>13. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương Mại TNHH E.Sun – chi nhánh Offshore;</p> <p>14. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương Mại Taipei Fubon – chi nhánh Offshore;</p> <p>15. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Quốc tế Mega – OBU;</p>	
--	--	--	---	--

			<p>16. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai Commercial and Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Hong Kong;</p> <p>17. Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2023;</p> <p>18. Thông qua Quy chế công bố thông tin;</p> <p>19. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung quy chế kiểm toán nội bộ và quy trình thực hiện công việc của khối Kiểm toán nội bộ.</p>	
5.	01/87_0524/NQ-HĐQT	27/06/2024	<p>1. Thông qua việc thực hiện phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ lên 2.000.098.190.000 đồng;</p> <p>2. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và cấp hạn mức thấu chi với Ngân hàng TMCP Phương Đông, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh;</p> <p>3. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United – OBU;</p> <p>4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Offshore;</p> <p>5. Thông qua việc đính chính nội dung tiếng Việt tại điều 10 của Nghị quyết số 01/86_0424/NQ-HĐQT và điều 6 của Nghị quyết số 04/86_0424/NQ-HĐQT đã ban hành tháng 5/2024;</p> <p>6. Thông qua kế hoạch Kiểm toán nội bộ hàng năm cho nửa cuối năm 2024.</p>	100%
6.	01/88_0624/NQ-HĐQT	27/9/2024	<p>1. Thông qua dự phòng nợ phải thu (kỳ quỹ) tại ngày 30/06/2024;</p> <p>2. Thông qua dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 30/06/2024;</p>	100%

			<ol style="list-style-type: none"> 3. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức rủi ro trước thanh toán với ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Panhsin; 6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng TNHH CTBC; 7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại EnTie – Chi nhánh Offshore; 8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Hợp tác Đài Loan – Chi nhánh Offshore; 9. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Union Bank of Taiwan. 	
7.	01/89_0724/NQ-HĐQT	28/11/2024	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua dự phòng nợ phải thu (kỳ quỹ) tại ngày 30/9/2024; 2. Thông qua dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 30/9/2024; 3. Thông qua việc thay đổi địa chỉ chi nhánh Quận 3; 4. Thông qua việc đóng cửa chi nhánh Hà Nội và miễn nhiệm Giám đốc chi nhánh Hà Nội; 5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương – Hội sở; 6. Thông qua hạn mức rủi ro trước thanh toán với Ngân hàng Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – Chi nhánh Đồng Nai; 	100%

			<p>7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn;</p> <p>8. Thông qua ngân sách công ty năm 2025.</p>	
8.	01/90_0824/NQ-HĐQT	30/12/2024	<p>1. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025;</p> <p>2. Thông qua Chính sách Quản lý rủi ro năm 2025;</p> <p>3. Thông qua Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2025;</p> <p>4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức giao dịch ngoại tệ ngắn hạn với Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng SinoPac – OBU.</p>	100%

III. Ban Kiểm soát (Năm 2024):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1.	Ông Liew Sep Siang	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 17/04/2019	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2.	Ông Chiu Hsien Chih	Thành viên	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 06/04/2016	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
3.	Bà Kuo, Ping-Min	Thành viên	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 31/03/2022 Ngày không còn là thành viên BKS: 17/04/2024	Cử nhân Thương mại
4.	Bà Wang, Gwan-Fang	Thành viên	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 17/04/2024	Cử nhân Quản trị kinh doanh

2. Cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1.	Ông Liew Sep Siang	02	100%	100%	-
2.	Ông Chiu Hsien Chih	02	100%	100%	-
3.	Bà Kuo, Ping-Min	01	100%	100%	Ngày không còn là thành viên BKS: 17/04/2024
4.	Bà Wang, Gwan-Fang	01	100%	100%	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 17/04/2024

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc trên tinh thần khách quan, độc lập, tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của PHS. Hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm việc kiểm tra, giám sát và đánh giá việc điều hành, quản trị công ty của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cũng như hoạt động của các phòng ban của PHS.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các khối, phòng ban để quá trình quản lý và các hoạt động kinh doanh diễn ra thuận lợi, có hiệu quả đồng thời tuân thủ pháp luật và những quy định nội bộ của PHS.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có):

Không còn hoạt động nào khác của Ban Kiểm soát để báo cáo.

IV. Ban Tổng Giám đốc

STT	Thành viên Ban Tổng Giám đốc	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc
1.	Ông Chen Chia Ken	14/10/1971	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Ngày bổ nhiệm: 06/4/2016
2.	Bà Phạm Thị Thu Nhân	13/06/1984	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Ngày bổ nhiệm: 06/4/2016

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đỗ Thị Ái Vy	16/9/1986	Cử nhân	Ngày bổ nhiệm: 07/12/2018

VI. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị công ty luôn cập nhật đầy đủ các vấn đề đào tạo về quản trị Công ty.

Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS, Ban Tổng Giám đốc và Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị công ty đã hoàn thành khóa học Quản trị Công ty Cổ phần trong bối cảnh hội nhập thị trường vốn và nâng hạng thị trường chứng khoán do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Năm 2024) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting		Chủ tịch Hội đồng Quản trị			06/04/2016	-	-	Người nội bộ
2.	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	-	Thành viên Hội đồng Quản trị			06/04/2016	-	-	Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
3.	Ông Wu, Jin-Jeng		Thành viên Hội đồng Quản trị			06/04/2016	-	-	Người nội bộ
4.	Ông Chen Chia Ken		Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật thứ hai			06/04/2016	-	-	Người nội bộ
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	-	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị			17/04/2019	-	-	Người nội bộ
6.	Ông Liew Sep Siang		Trưởng Ban Kiểm soát			17/04/2019	-	-	Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
7.	Ông Chiu Hsien Chih		Thành viên Ban Kiểm soát			06/04/2016	-	-	Người nội bộ
8.	Bà Kuo, Ping-Min		Thành viên Ban Kiểm soát			31/03/2022	17/04/2024	-	Người nội bộ
9.	Bà Wang, Gwan-Fang		Thành viên Ban Kiểm soát			17/04/2024	-	-	Người nội bộ
10.	Bà Phạm Thị Thu Nhân		Phó Tổng Giám Đốc			06/04/2016	-	-	Người nội bộ
11.	Bà Đỗ Thị Ái Vy		Kế toán trưởng			07/12/2018	-	-	Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
12.	Bà Chiêu Nhã Thy		Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty			07/05/2021	-	-	Người nội bộ
13.	Bà Nguyễn Thị Thu Anh		Phó Phòng khối Quản lý rủi ro			21/05/2022	-	-	Người nội bộ
14.	Bà Bạch Thị Phương Thảo		Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ			15/07/2022	-	-	Người nội bộ
15.	Ông Huang Kai Sheng		Phó Giám đốc Khối Tài chính			15/07/2022	-	-	Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
16.	Phu Hung Far East Holding Corporation		-	1705717 – 04/04/2012 – British Virgin Islands	Portcullis Trustnet (BVI) Limited, Portcullis TrustNet Chambers P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	-	-	-	Cổ đông lớn
17.	An Thinh Development Limited		-	1873621 – 12/05/2015 – British Virgin Islands	Coastal Building, Wickhams Cay II, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	-	-	-	Cổ đông lớn
18.	New Beam International INC		-	1909904 – 24/03/2016 – British Virgin Islands	Ground Floor, Coastal Building Wickhams Cay II, P O Box 3169, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	-	-	-	Cổ đông lớn

Ghi chú: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Phu Hung Far East Holding Corporation	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ	1705717 – 04/04/2012 – British Virgin Islands	Portcullis Trustnet (BVI) Limited, Portcullis TrustNet Chambers P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	Từ ngày 29/11/2024 đến ngày 29/11/2024	01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024	230.000.000.000 VND	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024

Ghi chú: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: Không có.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Năm 2024)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của công ty.

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting		Chủ tịch Hội đồng Quản trị			-	-	-
1.1	Cha: Lawrence S. Ting	-	Đã mất	-	-	-	-	-
1.2	Mẹ: Ting Fei Tsong-Ching	-	-			-	-	-
1.3	Vợ: Wong, I-Ting	-	-			-	-	-
1.4	Chị: Ting, Kwang I	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.5	Chị: Ting, Kwang-Yu	-	-			-	-	-
1.6	Em: Ting, Kwang Hung		-			-	-	-
1.7	Phu Hung Far East Holding Corporation		Ông Albert Kwang-Chin Ting là thành viên HĐQT	1705717 – 04/04/2012 – British Virgin Islands	Portcullis Trustnet (BVI) Limited, Portcullis TrustNet Chambers P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	92.004.600	46,00%	-
1.8	Freshfields Capital Corporation		Ông Albert Kwang-Chin Ting là chủ tịch HĐQT	80690793 – 31/03/2004 – Đài Loan	18F., No.4, Sec. 1, Zhongxiao W. Rd., Zhongzheng Dist., Taipei City 100, Taiwan (R.O.C.)	1.290.486	0,65%	-
1.9	Công ty Cổ phần Quản lý		Ông Albert Kwang-Chin Ting	24/UBCK-GP 28/12/2007	Phòng số 4, Tầng 21,	-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
	Quý Phú Hưng		là chủ tịch HĐQT	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh.			
2.	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	-	Thành viên Hội đồng Quản trị			-	-	-
2.1	Cha: Nguyễn Văn Trần	-	Đã mất	-	-	-	-	-
2.2	Mẹ: Phạm Thị Bắc	-	Nghỉ hưu			-	-	
2.3	Con gái: Nguyễn Phương Anh	-	-			-	-	-
2.4	Con trai: Nguyễn Hưng Nam	-	-			-	-	-
2.5	Chị gái: Nguyễn Nhị Hà	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.6	Chị gái: Nguyễn Thái Bình	-	-			-	-	-
2.7	Chị gái: Nguyễn Hồng Nga	-	-			-	-	-
2.8	Chị gái: Nguyễn Hồng Việt	-	-			-	-	-
2.9	Em trai: Nguyễn Hùng Mạnh		-			258.177	0,13%	-
2.10	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	Ông Nguyễn Đoàn Hùng là thành viên HĐQT	0303576603 – 18/11/2004 – Sở kế hoạch và đầu tư	23 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	-	-	
3.	Ông Wu, Jin-Jeng		Thành viên Hội đồng Quản trị			-	-	-
3.1	Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Vũ Thái		Ông Wu, Jin-Jeng là Thành	0102340904 – 13/09/2017 – Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tầng 14, Tòa nhà Cornerstone, Số 16 Phan Chu Trinh,	7.473.415	3,74%	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
			viên HĐQT		Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội			
3.2	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng		Ông Wu, Jin-Jeng là Thành viên HĐQT	24/UBCK-GP – 28/12/2007 – Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM	-	-	
4.	Ông Chen Chia Ken		Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật thứ hai			-	-	-
4.1	Cha: Chen Yi Fan	-	Đã mất	-	-	-	-	-
4.2	Mẹ: Tsai Pi Chin	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
4.3	Vợ: Wang Tzu	-	-			-	-	-
4.4	Con: Chen Hsiu Te	-	-			-	-	-
4.5	Con: Chen Hsiu Yi	-	-			-	-	-
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	-	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị			-	-	-
5.1	Cha: Liu, Guo-Cheng	-	-			-	-	-
5.2	Mẹ: Chen, Yue-E	-	-			-	-	-
5.3	Chồng: Chiu, Yi-Hung	-	-			-	-	-
5.4	Con gái: Chiu, Chen-Yu	-	-	-		-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
5.5	Con trai: Chiu, Chen-Kai	-	-	-		-	-	-
5.6	Con trai; Chiu, Chen En	-	-	-		-	-	-
6.	Ông Liew Sep Siang		Trưởng Ban Kiểm Soát			-	-	-
6.1	Cha: Liew Ee Khong	-	-			-	-	-
6.2	Mẹ: Lee Yeak Leak	-	-			-	-	-
6.3	Anh: Liew Sep Leng	-	-			-	-	-
6.4	Chị: Liew Chin Hui	-	-			-	-	-
6.5	Anh: Liew Sep Yong	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
6.6	Vợ: Chu Zi Yan	-	-			-	-	-
6.7	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng		Phó Tổng Giám đốc	41/GP-KDBH 12/12/2006 Bộ Tài chính	Tầng 22, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh	3.136.847	1,57%	
6.8	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng		Trưởng Ban kiểm soát	24/UBCK-GP 28/12/2007 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM	-	-	-
7.	Ông Chiu Hsien Chih		Thành viên Ban kiểm soát			-	-	-
7.1	Cha: Chiu Chuei Chun	-	Đã mất	-	-	-	-	-
7.2	Mẹ: Syu Yue Ye	-	Đã mất	-	-	-	-	-
7.3	Vợ: Lin Ching Yi	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
7.4	Chị: Chiu Li Chiu	-	-			-	-	-
7.5	Chị: Chiu Li Ying	-	-			-	-	-
7.6	Chị: Chiu, Hsueh-O	-	-			-	-	-
8.	Bà Kuo, Ping-Min		Thành viên Ban Kiểm soát			-	-	Ngày không còn là thành viên BKS: 17/04/2024
8.1	Mẹ: Ding Zhi Fang	-	-			-	-	-
8.2	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng		Phó Tổng Giám đốc	24/UBCK-GP 28/12/2007 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM	-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
9.	Bà Wang, Gwan-Fang		Thành viên Ban Kiểm soát			-	-	Ngày bắt đầu là thành viên Ban Kiểm soát: 17/04/2024
9.1	Ba: Wang, Pai-Fu	-	-			-	-	-
9.2	Mẹ: Yeh, Mei-Yu	-	-			-	-	-
9.3	Công Ty TNHH Truyền Thông Thế Sáng		Giám đốc	0311068000 – 15/08/2011 – Sở KT và ĐT TP HCM	Tầng 22, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 08 Đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh	-	-	-
9.4	Công Ty TNHH Phát Triển Hưng Truyền	-	Giám đốc	0312894874 – 15/08/2014 – Sở KT và ĐT TP HCM	Tầng 3 - Tầng 4, Toà nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh	-	-	-
10.	Bà Phạm Thị Thu Nhân		Phó Tổng Giám đốc			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
10.1	Cha: Phạm Ngọc Hồ	-	-			-	-	-
10.2	Mẹ: Phạm Thị Hơ	-	-			-	-	-
10.3	Con: Nguyễn Phạm An Nhiên	-	-	Còn nhỏ		-	-	-
10.4	Em: Phạm Ngọc Tĩnh		-			-	-	-
10.5	Em: Phạm Thị Cẩm Xuyên		-			-	-	-
11.	Bà Đỗ Thị Ái Vy		Kế toán trưởng			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
11.1	Cha: Đỗ Gia Văn	-	-			-	-	-
11.2	Mẹ: Nguyễn Thị Tuyết	-	-			-	-	-
11.3	Chồng: Phạm Đức Vũ	-	-			-	-	-
11.4	Con: Phạm Gia Khiêm	-	-	Còn nhỏ		-	-	-
11.5	Con: Phạm Bảo Châu	-	-	Còn nhỏ		-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
11.6	Chị: Đỗ Thị Ly Ly	-	-			-	-	-
11.7	Em: Đỗ Thị Uyên My	-	-			-	-	-
11.8	Em: Đỗ Gia Bảo	-	-			-	-	-
12.	Bà Chiêu Nhã Thy		Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký Công ty			-	-	-
12.1	Bố: Chiêu Đức Nghĩa	-	-			-	-	-
12.2	Mẹ: Lương Ngọc Mai	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
12.3	Em trai: Chiêu Đức Tâm	-	-			-	-	-
12.4	Em gái: Chiêu Bội Thy	-	-			-	-	-
13.	Bà Nguyễn Thị Thu Anh		Phó phòng Quản lý rủi ro			107	0,000053%	
13.1	Cha: Nguyễn Ngọc Dũng		-			-	-	-
13.2	Me: Hồ Thị Thu Vân		-			-	-	-
13.3	Anh trai: Nguyễn Ngọc Anh		-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
13.4	Em trai: Nguyễn Tuấn Anh		-			-	-	-
14.	Bà Bạch Thị Phương Thảo		Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ			-	-	-
14.1	Bố ruột: Bạch Quang Vinh	-	-			-	-	-
14.2	Mẹ ruột: Đinh Thị Ngọc Hạnh	-	-			-	-	-
14.3	Em: Bạch Chí Cường	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
14.4	Con: Nguyễn Phúc Hoàng	-	-	-		-	-	
15.	Ông Huang Kai Sheng		Phó Giám đốc Khối Tài chính			-	-	-
15.1	Cha: Huang, Jeng-Her	-	-			-	-	-
15.2	Mẹ: Wu, Chen-Chen	-	-			-	-	-
15.3	Vợ: Chiang, Chu-Yun	-	-			-	-	-
15.4	Con: Huang, Ping-Chieh	-	-			-	-	-

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
-	-	-	-	-	-	-	-

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: BTKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Albert Kwang-Chin Ting

H. H.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Số: .04./2025/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua báo cáo tình hình sử dụng vốn
cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ
ngày 29/11/2024**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Đính kèm:

1. Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


ALBERT KWANG-CHIN TING



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn
từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024
cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ
ngày 29 tháng 11 năm 2024



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

122/GP-UBCK	ngày 20 tháng 1 năm 2016
18/GPĐC-UBCK	ngày 22 tháng 6 năm 2016
23/GPĐC-UBCK	ngày 25 tháng 7 năm 2016
03/GPĐC-UBCK	ngày 23 tháng 1 năm 2017
03/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 1 năm 2018
100/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 11 năm 2018
107/GPĐC-UBCK	ngày 26 tháng 12 năm 2018
47/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 8 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	ngày 4 tháng 3 năm 2020
03/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
04/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
48/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 6 năm 2021
82/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 9 năm 2021
57/GCN-UBCK	ngày 31 tháng 12 năm 2021
79/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 8 năm 2022
110/GPĐC-UBCK	ngày 10 tháng 11 năm 2022
102/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 12 năm 2024

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy
Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887

ngày 20 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần,
và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
số 0313642887 ngày 22 tháng 11 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế
hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên
Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên
Ông Chen Chia Ken	Thành viên
Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Ông Liew Sep Siang	Trưởng ban
Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên
Bà Wang, Gwan Fang	Thành viên
Bà Kuo, Ping-Min	(từ ngày 17 tháng 4 năm 2024) Thành viên (đến ngày 17 tháng 4 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Chen Chia Ken	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thu Nhân	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower
8 Hoàng Văn Thái
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Phòng Giao dịch
Phú Mỹ Hưng** Tầng trệt, CR2-08
107 Tôn Dật Tiên
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Quận 3 Tầng 4
458 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 2, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Tân Bình Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ
Phường 2, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Thanh Xuân Tầng 5, Tòa nhà Udic Complex
N04 Hoàng Đạo Thúy
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng Tầng 2, Tòa nhà Eliteco
18 Trần Hưng Đạo
Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chi nhánh Quận 1 Phòng 1003A, Tầng 10
81-83-83B-85 Hàm Nghi
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("Công ty") trình bày báo cáo này và Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29 tháng 11 năm 2024 ("Báo cáo tình hình sử dụng vốn") của Công ty.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn theo cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Chúng tôi cam đoan rằng:

- (a) Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty được lập theo cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn; và
- (b) chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành Báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu và các thuyết minh khác, được trình bày từ trang 6 đến trang 9 (sau đây được gọi tắt là “Báo cáo tình hình sử dụng vốn”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty theo cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc xác định rằng cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán là phù hợp.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Cơ sở lập báo cáo và giới hạn sử dụng

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 của Báo cáo tình hình sử dụng vốn trong đó mô tả về cơ sở lập báo cáo và các chính sách kế toán được sử dụng để lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập để Công ty tuân thủ các quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ("Nghị định 155") ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán liên quan đến báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành. Do đó, Báo cáo tình hình sử dụng vốn có thể không thích hợp để sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi chỉ nhằm mục đích để Công ty nộp cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước khác theo các quy định pháp luật hiện hành và công bố thông tin theo quy định của Nghị định 155 và không nhằm cho bất kỳ mục đích nào khác.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00202-25-1



Chang Hưng Chun

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình sử dụng vốn
cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

Căn cứ theo quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (“Nghị định 155”) ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29 tháng 11 năm 2024 (“Báo cáo tình hình sử dụng vốn”) như sau:

Thông tin chung về đợt phát hành

1. Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
2. Mã cổ phiếu	: PHS
3. Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
4. Loại tiền tệ	: Đồng Việt Nam (“VND”)
5. Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 VND/cổ phiếu
6. Giá phát hành	: 10.000 VND/cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu phát hành	: 50.000.000 cổ phiếu
8. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành	: 500.000.000.000 VND
9. Hình thức phát hành	: Phát hành riêng lẻ
10. Ngày bắt đầu đợt phát hành	: 29 tháng 11 năm 2024
11. Ngày hoàn thành đợt phát hành	: 29 tháng 11 năm 2024
12. Mục đích phát hành	- Bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh; - Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán; bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán; - Nâng cao an toàn tài chính, bổ sung vốn cho các nghiệp vụ chứng khoán phái sinh; - Thực hiện cung cấp các dịch vụ tài chính – chứng khoán khác theo đúng các quy định của pháp luật

Căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Đại Hội đồng Cổ đông thông qua Phương án phát hành riêng lẻ 50.000.000 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, căn cứ Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 02/87_0524/NQ-HDQT ngày 27 tháng 6 năm 2024 thông qua việc thực hiện phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ lên 2.000.098.190.000 VND, căn cứ công văn số 6942/UBCK-QLKD ngày 15 tháng 10 năm 2024 do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước ban hành thông báo nhận được hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty, Công ty đã phát hành thành công 50.000.000 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu vào ngày 29 tháng 11 năm 2024. Ngày 9 tháng 12 năm 2024, Công ty đã nhận được Công văn số 8358/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty.

Chi tiết về số vốn nhận được bằng tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty như sau:

Ngày nhận tiền	Tài khoản ngân hàng nhận vốn	Số tiền VND
Ngày 29 tháng 11 năm 2024	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	500.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tình hình sử dụng vốn này

2024
2024
2024
2024
2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình sử dụng vốn
cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Chi tiết vốn huy động và tiến độ sử dụng nguồn vốn của Công ty như sau:

	Giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tại ngày 29 tháng 11 năm 2024	500.000.000.000
Tiến độ sử dụng nguồn vốn huy động dùng để bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh như sau:	
▪ Trả nợ vay cho Ngân hàng Chang Hwa	(255.182.503.915)
▪ Trả nợ vay cho Ngân hàng Panshin	(25.524.156.177)
▪ Trả nợ vay cho Ngân hàng Cathay United Bank – Offshore Banking Unit	(219.290.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	3.339.908

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Người lập



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người soát xét



Ông Huang Kai Sheng
Phó Giám Đốc

Người duyệt




Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn
cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 102/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2024 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) – được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm đó.

Công ty đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã PHS theo Quyết định số 475/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 19 tháng 7 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, cho vay ký quỹ, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 329 nhân viên (31/12/2023: 382 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29 tháng 11 năm 2024 (“Báo cáo tình hình sử dụng vốn”) bao gồm các thông tin tài chính liên quan đến việc sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29 tháng 11 năm 2024.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau:

- Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập dựa trên sổ sách kế toán và chứng từ của Công ty;
- Báo cáo tình hình sử dụng vốn chỉ trình bày việc sử dụng vốn lần đầu, theo phương án sử dụng vốn được phê duyệt bởi Đại Hội đồng Cổ đông theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và không trình bày việc quay vòng vốn, nếu có.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tình hình sử dụng vốn này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn
cho giai đoạn từ ngày 9 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập để Công ty tuân thủ các quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (“Nghị định 155”) ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán liên quan đến báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành. Báo cáo tình hình sử dụng vốn và việc sử dụng báo cáo này không được thiết kế cho những người không được biết về các nguyên tắc và quy định của Nghị định 155. Do đó, Báo cáo tình hình sử dụng vốn có thể không thích hợp sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập trên cơ sở thực thu, thực chi theo nguyên tắc giá gốc. Theo cơ sở kế toán này:

- Tiền thu từ đợt phát hành cổ phiếu được ghi nhận khi Công ty nhận tiền từ các cổ đông của Công ty;
- Việc sử dụng vốn được ghi nhận khi việc chi tiền được thực hiện.

(c) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tình hình sử dụng vốn

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Người lập

Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người soát xét

Ông Huang Kai Sheng
Phó Giám Đốc

Người duyệt



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc



TỜ TRÌNH

Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("**Công ty**") kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên ("**Đại hội**") thông qua Báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới như sau:

1. Dựa trên Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2024 thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phương án sử dụng vốn và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ (Nghị quyết 10), Công ty đã thực hiện thủ tục chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đăng ký thay đổi vốn điều lệ với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan chức năng khác sau khi triển khai các Nghị quyết nêu trên. Theo đó, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 102/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2024, ghi nhận vốn điều lệ của Công ty là 2.000.098.190.000 đồng (bằng chữ: Hai nghìn tỷ không trăm chín mươi tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).
2. Công ty đã thực hiện cập nhật các thông tin vốn điều lệ mới nêu trên vào Điều lệ đã được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ngày 10 tháng 01 năm 2025 căn cứ theo Điều 71.2(b) Điều lệ Công ty.

3. Nay, Hội đồng Quản trị Công ty báo cáo và kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua các nội dung được cập nhật nêu trên tại Điều lệ của Công ty ngày 10 tháng 01 năm 2025.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ALBERT KWANG-CHIN TING

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG
OO★★OO



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2025



MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ	1
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1: Định nghĩa.....	1
CHƯƠNG II. TÊN, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2: Tên, trụ sở, chi nhánh, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	2
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH	4
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động	4
Điều 5: Phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	5
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	5
Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	5
Điều 7: Chứng chỉ cổ phiếu	6
Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần.....	7
Điều 10: Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp đăng ký thành lập Công ty).....	7
CHƯƠNG V. KINH DOANH CHỨNG KHOÁN.....	8
Điều 11: Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán.....	8
Điều 12: Quyền và nghĩa vụ của Công ty	8
Điều 13: Các quy định cấm và hạn chế.....	10
Điều 14: Các quy định về kiểm soát nội bộ	11
Điều 15: Các quy định về bảo mật thông tin.....	12
Điều 16: Quy tắc đạo đức nghề nghiệp	12
Điều 17: Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ.....	12
Điều 18: Chào bán cổ phần	13
CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	13
Điều 19: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	13
CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	13
Điều 20: Quyền của cổ đông.....	13
Điều 21: Nghĩa vụ của cổ đông.....	15
Điều 22: Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 23: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 24: Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	19

Điều 25:	Thay đổi các quyền	20
Điều 26:	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 27:	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 28:	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 29:	Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 30:	Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết	26
Điều 31:	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 32:	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	28
CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		28
Điều 33:	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	29
Điều 34:	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	30
Điều 35:	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	34
Điều 36:	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị	35
Điều 37:	Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế	36
Điều 38:	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị	37
Điều 39:	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	37
Điều 40:	Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và biên bản cuộc họp	38
Điều 41:	Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng Quản trị	41
CHƯƠNG IX. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, TỔNG GIÁM ĐỐC,		42
CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY		42
Điều 42:	Tổ chức bộ máy quản lý	42
Điều 43:	Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc	42
Điều 44:	Cán bộ quản lý (người quản lý khác của Công ty)	43
Điều 45:	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	43
Điều 46:	Thư ký Công ty và người phụ trách quản trị Công ty	45
Điều 47:	Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	47
CHƯƠNG X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,		48
KIỂM SOÁT VIÊN,		48
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ		48
Điều 48:	Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý	48
Điều 49:	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	48
Điều 50:	Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan	49
Điều 51:	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	50

CHƯƠNG XI. BAN KIỂM SOÁT.....	50
Điều 52: Kiểm soát viên.....	51
Điều 53: Ban Kiểm soát.....	51
Điều 54: Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên.....	53
CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	53
Điều 55: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	54
CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	54
Điều 56: Công nhân viên và công đoàn.....	54
CHƯƠNG XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	54
Điều 57: Cổ tức.....	54
CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	55
Điều 58: Tài khoản ngân hàng.....	55
Điều 59: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.....	55
Điều 60: Năm tài chính.....	56
Điều 61: Hệ thống kế toán.....	56
CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	56
Điều 62: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	56
Điều 63: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	57
CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	57
Điều 64: Kiểm toán.....	57
CHƯƠNG XVIII. CON DẤU.....	58
Điều 65: Con dấu.....	58
CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG.....	58
Điều 66: Chấm dứt hoạt động.....	58
Điều 67: Gia hạn hoạt động.....	58
Điều 68: Thanh lý.....	58
Điều 69: Phá sản.....	59
CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	59
Điều 70: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	59
CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	60
Điều 71: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	60
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC.....	60
Điều 72: Ngày hiệu lực.....	60

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 ("**Luật Doanh nghiệp**");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 ("**Luật Chứng khoán**");
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động công ty chứng khoán.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa

- Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - "Công ty" là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.
 - "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi tại Điều 6 của Điều lệ này.
 - "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - "Điều khoản" là một điều khoản của Điều lệ này.
 - "Pháp luật" là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
 - "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu.
 - "Người điều hành Công ty" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.
 - "Người quản lý Công ty" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.
 - "Người có liên quan" là Cá nhân hoặc tổ chức được quy định của tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

- k. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
- l. “Giấy tờ pháp lý của cá nhân” là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
- m. “Giấy tờ pháp lý của tổ chức” là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.
- n. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- o. “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- p. “Sở Giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- q. “VSDC” là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- r. “Biểu quyết tại cuộc họp” là việc Cổ đông:
- Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Ủy quyền cho cá nhân/tổ chức khác biểu quyết tại cuộc họp;
 - Biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác.
- s. “Biểu quyết thông qua bỏ phiếu điện tử” là việc Cổ đông, người đại diện Cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của VSDC.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, trụ sở, chi nhánh, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
- a. Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
 - b. Tên tiếng Anh : Phu Hung Securities Corporation
 - c. Tên giao dịch : Chứng khoán Phú Hưng

- d. Tên viết tắt : PHS
2. Hình thức pháp lý: Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
- a. Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- b. Điện thoại : (+84 28) 5413 5479
- c. Fax : (+84 28) 5413 5472
- d. Website : www.phs.vn
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là hai (02) cá nhân có tên bên dưới đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo pháp luật của Công ty gồm có:

- a. Người đại diện theo pháp luật thứ nhất: Ông Albert Kwang-Chin Ting.

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người đại diện theo pháp luật thứ nhất có các quyền theo quy định tại Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành. Người đại diện theo pháp luật thứ nhất có quyền đại diện Công ty trong tất cả giao dịch và được quyền ký kết trên tất cả các văn bản đại diện Công ty và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo pháp luật thứ nhất có nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và nghĩa vụ khác thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

- b. Người đại diện theo pháp luật thứ hai: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật thứ hai có các quyền theo quy định tại Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành. Người đại diện theo pháp luật thứ hai có quyền đại diện Công ty trong tất cả giao dịch và được quyền ký kết trên tất cả các văn bản đại diện Công ty và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, không bao gồm các quyền sau đây:

- i. Ký trên Điều lệ của Công ty.
- ii. Ký trên sổ chứng nhận cổ đông hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với sổ cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
- iii. Ký trên các chứng từ thay mặt chủ sở hữu tài khoản ngân hàng của Công ty (trừ trường hợp được chủ sở hữu tài khoản ngân hàng đồng ý bằng văn bản cụ thể).

Người đại diện theo pháp luật thứ hai có các nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

trước Trọng tài, Tòa án và nghĩa vụ khác thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

c. Người đại diện theo pháp luật đăng ký chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu và làm việc với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước là Tổng Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng Quản trị bảo lưu quyền cung cấp tài liệu và làm việc với UBCK khi Tổng Giám đốc vắng mặt tại Việt Nam.

d. Mọi quan hệ ràng buộc giữa các đại diện theo pháp luật:

Các đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm giữ mối quan hệ chặt chẽ và phối hợp cùng nhau điều hành và quản lý tất cả các công việc, giao dịch và dự án của Công ty. Người đại diện theo pháp luật thứ hai có trách nhiệm thông tin đến người đại diện theo pháp luật thứ nhất về nội dung của các tài liệu, giao dịch, tranh chấp ... ảnh hưởng đáng kể đến quyền và nghĩa vụ của Công ty.

e. Cơ chế chuyển giao quyền và nghĩa vụ giữa những người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam, từ chức, bị miễn nhiệm, trốn khỏi nơi cư trú, bị tạm giam, phạt tù, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi hoặc bị tước quyền hành nghề:

i. Trường hợp người đại diện theo pháp luật thứ nhất là Chủ tịch Hội đồng Quản trị rơi vào trường hợp nêu trên thì Tổng Giám đốc sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

ii. Trường hợp người đại diện theo pháp luật thứ hai là Tổng Giám đốc rơi vào trường hợp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.

5. Công ty có thể thành lập, thay đổi, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 66 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty

Mục tiêu hoạt động của Công ty là: không ngừng tìm kiếm các cơ hội phát triển kinh doanh chứng khoán nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Cổ đông của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

a. Môi giới chứng khoán;

b. Tự doanh chứng khoán;

c. Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;

- d. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - e. Kinh doanh chứng khoán phái sinh bao gồm tự doanh, môi giới và tư vấn chứng khoán phái sinh;
 - f. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.
2. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
 3. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5: Phát hành chứng quyền có bảo đảm

1. Căn cứ quy định của pháp luật và chấp thuận của UBCK, Công ty sẽ phát hành chứng quyền có bảo đảm và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm.
2. Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc cho phép người sở hữu được nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
3. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty (không bao gồm lượng chứng quyền chưa lưu hành). Bên cạnh đó, người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bán cáo bạch khi chào bán chứng quyền, bao gồm nhưng không giới hạn trong các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở, chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp, v.v.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 2.000.098.190.000 VND (Hai nghìn tỷ không trăm chín mươi tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 200.009.819 (bằng chữ: hai trăm triệu không trăm linh chín nghìn tám trăm mười chín) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (bằng chữ: mười nghìn) đồng Việt Nam.
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định pháp luật khác có liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7: Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 của Điều này. Chứng chỉ cổ phiếu được phát hành theo hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
 - a. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
5. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
6. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng Quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng Quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Tổ chức nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Chứng khoán và người có liên quan được sở hữu đến 100% vốn điều lệ của Công ty. Trường hợp không đáp ứng quy định đã nêu, tổ chức nước ngoài và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của Công ty.
4. Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của Công ty.
5. Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn Điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn Điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án.

Điều 10: Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp đăng ký thành lập Công ty)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 18% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ

giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

Điều 11: Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các pháp luật khác;
2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
3. Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;
4. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán và ban hành bằng văn bản các quy trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh phù hợp;
6. Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;
7. Phải cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;
8. Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
9. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
10. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
11. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.
12. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 12: Quyền và nghĩa vụ của Công ty

1. Quyền của Công ty
 - a. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng về giao dịch chứng khoán, đăng ký và lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính;
 - b. Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;

- c. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật;
- d. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Công ty

- a. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
- b. Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của Công ty chứng khoán;
- c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;
- d. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
- e. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó;
- f. Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính;
- g. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty;
- h. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
- i. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
- j. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- k. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
- l. Thực hiện công bố thông tin và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính;
- m. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo Điều 41 Luật Chứng khoán;
- n. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;
- o. Thực hiện việc cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính;
- p. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;
- q. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- r. Không được thực hiện các hành vi sau:

- i. Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cố tức cố định);
 - ii. Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;
 - iii. Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, Kiểm soát viên, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
 - iv. Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;
 - v. Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.
- s. **Sổ đăng ký cổ đông**
- i. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông ngay khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - ii. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - iii. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: lưu giữ ở dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử.
 - iv. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 - v. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện.

Điều 13: Các quy định cấm và hạn chế

- 1. **Quy định đối với Công ty**
 - a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
 - b. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - c. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
 - d. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
 - e. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm giao dịch khác ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;

- f. Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
 - g. Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
 - h. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
 - i. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.
2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán của Công ty:
- a. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty chứng khoán nơi mình đang làm việc;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ khác;
 - c. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
 - d. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính Công ty;
 - e. Khi thực hiện các hoạt động giao dịch trên tài khoản khách hàng, người hành nghề chứng khoán là đại diện cho Công ty và thực hiện với tư cách Công ty. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản.
3. Quy định đối với Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty:
- a. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty chứng khoán khác;
 - b. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên, người quản lý của Công ty chứng khoán khác;
 - c. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của Công ty chứng khoán khác.

Điều 14: Các quy định về kiểm soát nội bộ

- 1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty.
- 2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ.
- 3. Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.
- 4. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty để hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.

Điều 15: Các quy định về bảo mật thông tin

1. Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính mình;
 - c. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 16: Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

1. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được công bố rộng rãi trong Công ty. Công ty phải xây dựng nội quy của Công ty, chi tiết hoá nội dung của bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp này.
2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc này.
3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên Công ty.

Điều 17: Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty phải được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật.
2. Công ty có thể tăng vốn Điều lệ thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi:
 - a. Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc
 - b. Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được.
3. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:
 - a. Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật;
 - b. Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;
 - c. Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu;
 - d. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ;
 - e. Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ.
4. Việc giảm vốn điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành.

Điều 18: Chào bán cổ phần

1. Công ty được chào bán cổ phiếu ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phiếu theo quy định tại Luật Chứng khoán;
2. Công ty phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng;
3. Phương thức, thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 19: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Tổng Giám đốc;
4. Ban Kiểm soát;
5. Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 20: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác được quy định tại Điều 24. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 33.2 và Điều 52.2 Điều lệ.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 05% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:
- a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - i. Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - ii. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - b. Xem xét, tra cứu trích lục sổ biên bản họp và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa niên độ và hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát và yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết (trừ các tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty).
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông,

tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- d. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - e. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - f. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - g. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.
5. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông:
- a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:
 - i. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;
 - ii. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - iii. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - iv. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - b. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty được tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.
 - c. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 21: Nghĩa vụ của cổ đông

- 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- 2. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách

nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính xảy ra hoặc có thể xảy ra đối với Công ty.
6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác

Điều 22: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức họp được theo thời hạn nêu trên, Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Địa điểm họp là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp nhận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 20.4 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, lý do và mục đích yêu cầu triệu tập cuộc họp và chứng cứ chứng minh cho mục đích, lý do đó. Văn bản kiến nghị phải có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị còn lại nhỏ hơn số lượng như quy định tại Điều 33.1, số lượng Kiểm soát viên rơi vào trường hợp như quy định tại Điều 52.4 hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm c Điều 22.3.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Điều 22.4 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp.
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Điều 22.4 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c Điều 22.3 có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và di lại.

Điều 23: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Quyết định đầu tư/mua hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;
 - c. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát;
 - d. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - e. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - h. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
 - i. Tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - o. Quyết định đầu tư/mua hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- p. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
 - t. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 23 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của Hợp đồng;
 - b. Hủy bỏ, giảm bớt các nghĩa vụ của cổ đông đó đối với Công ty; khởi xướng hoặc hủy bỏ một vụ kiện đối với cổ đông đó.
 - c. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24: Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân/tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác.
2. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện;
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự, theo đó phải thể hiện rõ (i) tên cổ đông ủy quyền (ii) tên cá nhân/tổ chức được ủy quyền (iii) số lượng cổ phần được ủy quyền (iv) nội dung ủy quyền (v) phạm vi ủy quyền (vi) thời hạn ủy quyền (vii) chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Quy định về chữ ký trên văn bản ủy quyền.

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
5. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 25: Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua.

Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 27 và Điều 28 của Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 26: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 22.3 hoặc Điều 22.4.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đối với chương trình họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 20.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ

đồng là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- b. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định điểm a Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối đề xuất này nếu:
 - i. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; hoặc
 - ii. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 20.3 Điều lệ này;
 - iii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
 - iv. Trường hợp khác do Công ty quy định trong Điều lệ này phù hợp với pháp luật hiện hành.
- c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm a Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm b Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 27: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 28: Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại

diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch làm chủ tọa nhưng vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

5. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

6. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 5 của Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

7. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phân ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
12. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 29: Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Định hướng phát triển;
 - b. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - c. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - b. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - c. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;
 - d. Việc sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty;
 - e. Dự án đầu tư/mua hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua nghị quyết hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết. Trường hợp quyết định đã được thông qua của Đại hội đồng cổ đông bị thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định Điều 20.3 yêu cầu hủy bỏ theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp thì quyết định này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
8. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.
9. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày dương lịch, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.
10. Mọi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức sau:

- a. Biểu quyết tại cuộc họp.
- b. Lấy ý kiến bằng văn bản (trừ nội dung quy định tại Điều 29.1).

Điều 30: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết

A. Biểu quyết tại cuộc họp.

Thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 26, 27, 28 Điều lệ này.

B. Lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện như sau:
 - a. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 26.3 Điều lệ này.
 - b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii. Mục đích lấy ý kiến;
 - iii. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý (cổ đông cá nhân, cá nhân là đại diện cổ đông là tổ chức); tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính (cổ đông tổ chức); số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - iv. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - v. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - vi. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - vii. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - c. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
 - d. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo hình thức gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- e. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - iii. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - iv. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - v. Các quyết định đã được thông qua;
 - vi. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- f. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- h. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau, Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 32: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu được công bố trên website của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 20.3 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Điều 29.6 Điều lệ;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá ba (03) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị độc lập là 01 người và không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu 01 người.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 20.3. Số lượng cụ thể của ứng cử viên được nêu trong Điều 20.3. Việc đề cử thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm cho mục đích đề cử phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trường hợp số ứng cử viên được đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

4. Không đề cử vào Hội đồng Quản trị nhân viên của một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty trong vòng ba (03) năm liền trước.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
6. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có thời hạn đến hết nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại.
7. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng cử viên Hội đồng Quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
8. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
9. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
10. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
11. Trường hợp Hội đồng Quản trị đã hết nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được Hội đồng Quản trị mới, Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

Điều 34: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Để tránh hiểu lầm, mọi vấn đề không được quy định rõ ràng thuộc thẩm quyền quyết định duy nhất của Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ này thì sẽ thuộc quyền quyết định duy nhất của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân

thù các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

2. Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng Quản trị trong thời gian Hội đồng Quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng và chấm dứt hợp đồng lao động đối với các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của họ;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng Quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập/dóng cửa Công ty con, lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - g. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc điều hành hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty ;
 - h. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - i. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - j. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - l. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n. Xây dựng và trình Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị cho Đại hội đồng cổ đông thông qua và đảm bảo các quy chế này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;

- o. Xây dựng và ban hành Quy chế công bố thông tin, Quy chế bỏ phiếu điện tử, Quy chế tổ chức hội nghị trực tuyến;
 - p. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị, báo cáo quản trị của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị phải đảm bảo các nội dung quy định tại Điều Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
 - q. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - r. Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty;
 - s. Chỉ đạo công tác tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các Công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư vượt quá 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - g. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - j. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - k. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

- m. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- n. Phê duyệt chủ trương việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh trong Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ.
5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.
6. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng Quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty thì cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.
7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng Quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
10. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
11. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
12. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị:
- a. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
- c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;

- e. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
- f. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- g. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
- h. Các thành viên Hội đồng Quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
- i. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị;
- j. Thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp;
- k. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 35: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch.
Hội đồng Quản trị có thể lựa chọn trong số các thành viên còn lại một Phó Chủ tịch để trợ giúp cho Chủ tịch.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;

- c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;
- e. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ký thay mặt Đại hội đồng cổ đông trong các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng Quản trị;
- g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- h. Lên lịch họp Hội đồng Quản trị và các bộ phận trực thuộc Hội đồng Quản trị;
- i. Chuẩn bị chương trình nghị sự cho các cuộc họp Hội đồng Quản trị;
- j. Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng Quản trị với Ban Tổng Giám đốc;
- k. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng Quản trị với Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- l. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
- m. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng Quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
- n. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng Quản trị;
- o. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
- p. Ký quyết định bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
- q. Ký trên Điều lệ của Công ty;
- r. Ký trên sổ chứng nhận cổ đông hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu;
- s. Ký trên các chứng từ là chủ sở hữu tài khoản ngân hàng của Công ty;

Điều 36: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
2. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 05% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.
3. Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của

Công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị của trên năm (05) Công ty khác (đối với Công ty niêm yết).

4. Không được từng là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một Công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.
5. Không dựa vào Hội đồng Quản trị nhân viên của một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty trong vòng 03 năm qua.
6. Các thành viên Hội đồng Quản trị cần có những phẩm chất và năng lực sau đây:
 - a. Nhận được sự tin tưởng của các cổ đông (phản ánh qua việc các cổ đông biểu quyết ủng hộ), các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty;
 - b. Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
 - c. Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để điều hành hoạt động Công ty một cách hiệu quả;
 - d. Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;
 - e. Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.

Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội đồng Quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của pháp luật, quy chế quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng Quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 37: Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (không phải người được ủy nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng Quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng Quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị mà người chỉ định họ là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng Quản trị chỉ định họ không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng Quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng Quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.
3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp người chỉ định họ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng Quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng Quản trị phê chuẩn.
5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng Quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng Quản trị đã chỉ định mình.

Điều 38: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị:
 - a. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn xin từ chức và được chấp nhận;
 - d. Có bằng chứng chứng tỏ thành viên Hội đồng Quản trị bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị: trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, việc bầu mới thành viên Hội đồng Quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Khi số lượng thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 39: Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

1. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị là thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và Điều kiện theo quy định tại các văn bản pháp luật quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.
2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị khi không còn đáp ứng đủ Điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ Điều kiện nêu trên. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ Điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đó trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.
3. Thành viên độc lập có các nhiệm vụ và quyền hạn giống các thành viên Hội đồng Quản trị khác, ngoài ra còn có các quyền hạn sau:
 - a. Đề xuất với Hội đồng Quản trị tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề xuất với Ban Kiểm soát tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị phản đối đề nghị này;

- b. Thuê tổ chức tư vấn hoặc kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ của mình;
- c. Đưa ra ý kiến độc lập về các vấn đề liên quan đến kế hoạch khen thưởng, trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và người quản lý Công ty;
- d. Đưa ra các ý kiến độc lập về các giao dịch lớn có liên quan và báo cáo cơ quan quản lý khi xét thấy cần thiết.

Điều 40: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và biên bản cuộc họp

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - d. Ban Kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 3 của Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 của Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp của Hội đồng Quản trị: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày dương lịch trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị có thể được làm bằng văn bản tiếng Việt hoặc tiếng Anh và phải

thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Đối với các cuộc họp bất thường nêu tại Điều 40.3 nêu trên, thông báo mời họp có thể được gửi trong vòng 24 giờ trước giờ họp bằng fax, thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu:

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày dương lịch kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết. Các thành viên không trực tiếp tham dự cuộc họp sẽ có quyền biểu quyết bằng cách gửi văn bản phiếu. Văn bản phiếu sẽ được niêm phong trong phong bì và trao cho Chủ Tịch Hội đồng Quản trị ít nhất là một (1) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Văn bản phiếu sẽ chỉ được mở có sự chứng kiến của tất cả người tham dự cuộc họp;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d của Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 49.4 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích

trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Hợp trên điện thoại hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức khác:

Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.

Tùy từng thời điểm, cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp theo hình thức họp trên điện thoại hoặc gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn do Hội đồng Quản trị ấn định được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp hoặc thu thập ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn đã ấn định nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết dưới hình thức thu thập ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở chấp thuận của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết có thể được ký bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

14. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và Tiếng Anh và phải có họ tên và chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp; người ghi biên bản và chủ tọa. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Trường hợp nghị quyết Hội đồng Quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.
16. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.
17. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 41: Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng Quản trị

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:
 - a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
 - f. Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
 - g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
 - l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty.
2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:

- a. Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;
 - b. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - c. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.
3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:
- a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
 - b. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - d. Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

CHƯƠNG IX. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 42: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, một hoặc một số Phó Tổng Giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 43: Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc

1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc khác là 03 năm. Số lượng thành viên Ban Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị phải ít hơn hai phần ba (2/3) tổng số ghế trong Hội đồng Quản trị.
3. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
4. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng Quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
 - a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám đốc;

- b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.
5. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, các thành viên Ban Tổng Giám đốc có nghĩa vụ và quyền lợi sau đây:
- a. Nghĩa vụ của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - i. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - ii. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
 - iii. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - iv. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
 - v. Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - vi. Thành viên Ban Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
 - vii. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - b. Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận thù lao, tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định;

Điều 44: Cán bộ quản lý (người quản lý khác của Công ty)

- 1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thống lệ quản lý Công ty do Hội đồng Quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.
- 3. Ngoài các công việc cụ thể theo hợp đồng lao động và/hoặc quyết định của Hội đồng Quản trị quyết định, cán bộ quản lý thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp.

Điều 45: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. **Bổ nhiệm:** Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.
2. **Nhiệm kỳ:**

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba (03) năm trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. **Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:**
 - a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - e. Tuyển dụng lao động;
 - f. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng Quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - g. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - h. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách;
 - i. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;
 - j. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - k. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được

trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- l. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật;
- m. Ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh theo phê duyệt chủ trương của Hội đồng Quản trị;
- n. Phê duyệt, ban hành các quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn không thuộc phạm vi phê duyệt, ban hành của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.
- o. Tổng Giám đốc có quyền ủy quyền cho cá nhân khác phê duyệt, ban hành các văn bản trên, việc ủy quyền phải được lập thành văn bản cụ thể;
- p. Báo cáo lên Hội đồng Quản trị và các cổ đông:

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
- q. Thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp;
- r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Bãi nhiệm:

Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

- a. Khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.
- b. Không còn đủ tiêu chuẩn và Điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật hiện hành.
- c. Có đơn xin từ chức và được chấp nhận.

Điều 46: Thư ký Công ty và người phụ trách quản trị Công ty

1. Thư ký Công ty:

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- f. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty:

- a. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm làm Thư ký theo quy định tại Điều 46.1.
- b. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - i. Có hiểu biết về pháp luật;
 - ii. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - iii. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.
- c. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
- d. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - i. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - ii. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - iii. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - iv. Tham dự các cuộc họp;
 - v. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - vi. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
 - vii. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
 - viii. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - ix. Là đầu mối liên lạc với các bên có liên quan;
 - x. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 47: Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
 - a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
 - b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
 - c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - e. Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
 - a. Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - b. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty chứng khoán;
 - c. Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - d. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.
3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:
 - a. Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
 - b. Xác định rủi ro của Công ty;
 - c. Đo lường rủi ro;
 - d. Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

**CHƯƠNG X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
KIỂM SOÁT VIÊN,
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**

Điều 48: Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 49: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng Quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.
5. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.
7. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

8. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan của các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
9. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
10. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.
11. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 50: Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị,

Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết, hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Điều 29.3 của Điều lệ.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 51: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tin thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. BAN KIỂM SOÁT

Điều 52: Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá ba (03) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ít nhất một thành viên của Ban kiểm soát là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty hoặc đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 20.3. Số lượng cụ thể của ứng cử viên được quy định tại Điều 20.3. Việc đề cử thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm cho mục đích đề cử phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
3. Trường hợp Kiểm soát viên đã kết thúc nhiệm kỳ và Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
4. Trường hợp số Kiểm soát viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba) theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định thì triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

Điều 53: Ban Kiểm soát

1. Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này và các quyền, nghĩa vụ sau đây:
 - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác;
 - d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;
 - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban

kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
- i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng Ban Kiểm soát:

- a. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.
- b. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - i. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;
 - ii. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
 - iii. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát:

- a. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.
- b. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
- c. Thông báo và chương trình họp:
 - i. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau ba (03) ngày dương lịch kể từ ngày gửi thông báo cho các Kiểm soát viên. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt hoặc tiếng Anh, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian họp, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những Kiểm soát viên không thể dự họp. Những Kiểm soát viên này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban Kiểm soát trước khi họp.

- ii. Thông báo mời họp có thể được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
- iii. Đối với các cuộc họp bất thường, thông báo mời họp có thể được gửi trong vòng 24 giờ trước giờ họp bằng fax, thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 54: Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
2. Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty, không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
3. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên, người quản lý của Công ty chứng khoán khác. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và làm việc chuyên trách, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
4. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng;
5. Không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
6. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
7. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - d. Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 55: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 56: Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 57: Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
8. Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông phổ thông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.
9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 58: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 59: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty không phải trích lập quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ từ khoản lợi nhuận sau thuế của mình, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Trong trường hợp trích lập quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ từ khoản lợi nhuận sau thuế của Công ty, Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích cụ thể.

Điều 60: Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp năm tài chính đầu tiên của Công ty ít hơn bốn (04) tháng, Báo cáo tài chính của năm đó được kiểm toán gộp với Báo cáo của năm tài chính tiếp theo.

Điều 61: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

**CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN,
TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG****Điều 62: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 64 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.
3. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính của kỳ hợp thường niên tương ứng. Trong cùng năm tài chính, Công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp Công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
4. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
5. Tổng số tiền thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh

nghiệp, phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
7. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.
8. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
9. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 63: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bộ Tài Chính và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 64: Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVIII. CON DẤU

Điều 65: Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Điều 66: Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 67: Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 68: Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban

thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 69: Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 70: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.
 - c. Khách hàng hoặc các đối tác khác liên quan với Công ty.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có

thể yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án có thẩm quyền tại Việt Nam.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 71: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 72: Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm hai mươi hai (22) chương, bảy mươi hai (72) điều, được thông qua vào ngày 10 tháng 01 năm 2025.
2. Hiệu lực của Điều lệ:
 - a. Điều lệ có hiệu lực kể từ ngày ký;
 - b. Kể từ thời điểm Điều lệ có hiệu lực, nếu (i) Trụ sở đăng ký của Công ty (quy định tại Điều 2.3), (ii) Ngành, nghề kinh doanh của Công ty (quy định tại Điều 4.1), (iii) Vốn điều lệ của Công ty (quy định tại Điều 6.1) được điều chỉnh trong thực tế, thì các nội dung mới này sẽ được tự động cập nhật vào Điều lệ để thay thế các nội dung tương ứng trước đó. Điều lệ với các nội dung mới đã được cập nhật (nếu có) sẽ được ký bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các nội dung cập nhật (nếu có) cần được đưa vào Điều lệ Công ty của năm tài chính tiếp theo để trình Đại hội đồng cổ đông năm tiếp theo thông qua.

- c. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

3. Điều lệ được lập thành năm (05) bản bằng tiếng Việt và hai (02) bản bằng tiếng Anh có giá trị như nhau.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc mới có giá trị.

Ký ngày 10 tháng 01 năm 2025.

**CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



Ông ALBERT KWANG-CHIN TING

TỜ TRÌNH

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2024	108.063.036 VND
Lợi nhuận chưa phân phối tại 31/12/2024	54.935.807.608 VND
Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền: 1% mệnh giá (Không bao gồm cổ phiếu quỹ)	20.000.932.900 VND

Trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên thông qua ủy quyền cho Hội đồng Quản trị để xác định thời điểm và tiến hành thủ tục trả cổ tức theo quy định.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ALBERT KWANG-CHIN TING

TỜ TRÌNH

V/v: Định hướng phát triển Công ty trong năm 2025

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Kế hoạch phát triển Công ty năm 2025 như sau:

Kế hoạch phát triển của Công ty năm 2025 sẽ ưu tiên phát triển theo hướng bền vững với việc cân bằng hợp lý giữa lợi nhuận và rủi ro.

1. Môi giới

Trong bối cảnh đầy thách thức này, PHS đã thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt trong hoạt động kinh doanh. Trong năm 2024, doanh thu từ môi giới chứng khoán đạt 145 tỷ đồng, giảm 3% so với năm 2023. Bên cạnh đó, doanh thu từ cho vay ký quỹ giảm 11% xuống còn khoảng 278 tỷ đồng do mặt bằng lãi suất trên thị trường giảm. Để giảm ảnh hưởng và duy trì được biên lãi ròng, PHS đã ra mắt một loạt các sản phẩm tài chính với lãi suất cạnh tranh và điều kiện thuận lợi nhằm thu hút nhiều phân khúc khách hàng khác nhau. Nhằm thúc đẩy sự tham gia của khách hàng vào thị trường chứng khoán, PHS đã triển khai nhiều chương trình khuyến mãi hướng đến nhà đầu tư cá nhân và các đối tác giới thiệu. Những sản phẩm này đã thu hút một lượng lớn khách hàng mới, khẳng định cam kết phát triển và mở rộng của công ty. Nhìn đến năm 2025, PHS dự kiến sẽ nâng cao hiệu quả kinh doanh để tạo thêm giá trị cho cổ đông và củng cố đội ngũ nội bộ.

Chiến lược của PHS đã giúp củng cố vị thế của công ty trên thị trường. Trong năm 2024, PHS đạt vị trí thứ 8 trong thị trường môi giới phái sinh trên HNX với thị phần 2,88%, tăng 8,3% so với cuối năm 2023. Doanh thu từ giao dịch hợp đồng tương lai cũng có kết quả tốt hơn so với năm 2023. Để duy trì đà tăng trưởng này, PHS sẽ cải thiện chính sách khách hàng nhằm thu hút thêm các khách hàng tiềm năng và đội ngũ nhân viên kinh doanh tài năng. Ngoài ra, PHS sẽ đẩy mạnh giao dịch phái sinh trong đội ngũ kinh doanh hiện tại vì nhận thấy tầm quan trọng của công cụ này trong việc giúp khách hàng tìm kiếm lợi nhuận ngay cả khi thị trường giảm điểm. Song song đó, PHS tiếp tục hợp tác với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) để nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường bảo vệ nhà đầu tư. Cam kết này đã được ghi nhận vào năm 2024 khi PHS nhận Giải thưởng Thành viên tiêu biểu trong Hoạt động Thanh toán Giao dịch Chứng khoán Phái sinh từ

VSDC, qua đó khẳng định hiệu suất cao của PHS trong lĩnh vực này. PHS sẽ tiếp tục và tập trung vào việc nâng cao năng lực nghiên cứu, tinh chỉnh các dịch vụ cung cấp và mang lại giá trị lớn hơn cho khách hàng.

2. Tư vấn và Bảo lãnh phát hành

Trong năm 2024, khối Tư vấn sẽ tiếp tục thực hiện quá trình tái cấu trúc nội bộ, với mục tiêu đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Đồng thời, khối Tư vấn sẽ mở rộng mạng lưới đối tác và khách hàng thông qua việc kết nối với các khách hàng của các chi nhánh PHS và hợp tác với các công ty chứng khoán và tổ chức tài chính khác. Khối Tư vấn cũng sẽ tích cực kết nối và cung cấp các dịch vụ tư vấn cho các khách hàng quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam. Ngoài ra, khối Tư vấn sẽ cập nhật lại quy trình tư vấn nhằm đảm bảo việc kiểm soát rủi ro trong quá trình thực hiện các hợp đồng dịch vụ và việc lưu trữ, theo dõi hồ sơ khách hàng một cách hiệu quả.

Năm 2025, khối Tư vấn sẽ duy trì chiến lược kinh doanh chủ đạo là cung cấp các dịch vụ tư vấn trọn gói cho khách hàng, bao gồm dịch vụ tư vấn niêm yết, phát hành và huy động vốn cho khách hàng. Khối Tư vấn cũng tiếp tục mở rộng mạng lưới nhà đầu tư trong và ngoài nước để đáp ứng như cầu huy động vốn của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đối với các khách hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam có nhu cầu tư vấn huy động vốn, bán vốn hoặc phát hành thêm, khối Tư vấn sẽ tích cực kết nối và cung cấp dịch vụ. Đồng thời, khối Tư vấn sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ và nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài chính doanh nghiệp và tư vấn M&A, nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng và nhà đầu tư. Dựa trên tình hình thực tế và khả năng hiện tại, PHS đặt kế hoạch tập trung phát triển khối Tư vấn cụ thể theo các hướng sau:

- Cập nhật và đào tạo nhân viên về các xu hướng mới trong các lĩnh vực niêm yết, phát hành chứng khoán, và huy động vốn. Đảm bảo đội ngũ tư vấn viên có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng giải quyết vấn đề cho khách hàng.
- Rà soát và cải tiến quy trình tư vấn để đảm bảo tính hiệu quả và sự minh bạch trong các hợp đồng dịch vụ, giảm thiểu rủi ro cho khách hàng và PHS.
- Tăng cường kết nối với các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán, và các quỹ đầu tư quốc tế để mở rộng mạng lưới nhà đầu tư cho các dự án huy động vốn tại Việt Nam.
- Tổ chức hoặc tham gia các sự kiện giao lưu, hội thảo với các đối tác trong nước và quốc tế để xây dựng mối quan hệ bền vững và tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư.
- Duy trì mối quan hệ với các khách hàng cũ cũng như khách hàng hiện tại và mở rộng mối quan hệ với các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

Thông qua những hành động cụ thể trên, khối Tư vấn sẽ có thể đạt được mục tiêu duy trì và phát triển trong năm 2025, cung cấp các dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ, và mở rộng mạng lưới khách hàng và nhà đầu tư.

3. Tự doanh

Cùng với xu hướng hồi phục của thị trường, khối Tự doanh tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các cổ phiếu hàng đầu của các ngành dẫn dắt và các cổ phiếu có câu chuyện riêng với triển vọng kinh doanh tích cực. Hơn nữa, chúng tôi cũng đa dạng hóa danh mục để nâng cao hiệu suất đầu tư cũng như quản trị rủi ro danh mục. Đến cuối tháng 12/2024, danh mục đầu tư đạt được mức lợi nhuận khoảng 13.8%.

Thị trường chứng khoán vẫn là kênh đầu tư hấp dẫn nhờ các chính sách hỗ trợ để thúc đẩy nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng trong năm tới. Ngoài ra, Việt Nam đang tích cực hướng tới mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi vào năm 2025. Thông tư 68 chấm dứt yêu cầu về việc có đủ tiền 100% trước khi đặt lệnh đối với tổ chức nước ngoài đã đánh dấu một cột mốc quan trọng. Điều này thể hiện quyết tâm của Việt Nam về việc nâng hạng thị trường. Morgan Stanley ước tính rằng các quỹ quốc tế có khả năng đầu tư tới 9 tỷ đô la Mỹ vào thị trường Việt Nam một khi thị trường này được nâng hạng. Vì vậy, chúng tôi cho rằng thị trường chứng khoán Việt Nam đầy hứa hẹn và có tiềm năng tăng trưởng trong năm 2025.

Để nắm bắt cơ hội tăng điểm của thị trường vào năm tới, khối Tự doanh đang điều chỉnh và phân bổ lại danh mục đầu tư. Chúng tôi luôn tìm kiếm cơ hội để đa dạng hóa danh mục và nâng cao hiệu quả đầu tư. Với sự quan sát toàn diện và kịp thời về mặt phân tích cơ bản và kỹ thuật, chúng tôi tin rằng khối Tự doanh sẽ tìm kiếm được các cơ hội đầu tư có giá trị hơn, cũng như có được hiệu suất đầu tư tốt hơn trong năm 2025.

Nhìn chung, khối Tự doanh sẽ theo sát diễn biến thị trường và tích cực hơn trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư. Với việc hợp tác chặt chẽ với đội ngũ Phân tích, cùng với việc tiến hành phân tích cơ bản và kỹ thuật chuyên sâu, hoạt động đầu tư của khối Tự doanh sẽ chuyên nghiệp hơn với kỳ vọng đạt được lợi nhuận tiềm năng, trong khi vẫn kiểm soát rủi ro một cách hợp lý.

4. Chứng quyền

Từ năm 2023 đến 2024, thị trường chứng quyền có bảo đảm (gọi tắt là chứng quyền) tại Việt Nam đã chứng kiến những thay đổi đáng kể. Số lượng chứng quyền niêm yết giảm mạnh từ 229 xuống còn 77 (giảm 66,4% so với cùng kỳ) và số lượng tổ chức phát hành hoạt động cũng giảm từ 10 xuống còn 4. Tuy nhiên, giá trị giao dịch bình quân hàng ngày lại tăng từ 28,6 tỷ đồng lên 43,3 tỷ đồng (tăng 51,5% so với cùng kỳ), cho thấy nhu cầu từ nhà đầu tư đối với sản phẩm chứng quyền vẫn rất mạnh mẽ.

Tình hình này đặt ra cả thách thức lẫn cơ hội. PHS tin rằng thị trường chứng quyền vẫn sở hữu tiềm năng phát triển dài hạn và những khó khăn hiện tại sẽ được giải quyết theo thời gian. PHS sẽ tiếp tục cung cấp sản phẩm chứng quyền nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong dài hạn. Để đạt được mục tiêu này, PHS sẽ tập trung mở rộng danh mục sản phẩm, nâng cao thanh khoản và xây dựng niềm tin vững chắc từ phía nhà đầu tư. Đồng thời, PHS sẽ đẩy mạnh các chương trình cung cấp kiến thức thị trường và triển khai các chiến lược marketing có trọng tâm để tăng cường sự kết nối với nhà đầu tư. Bằng việc nắm bắt xu hướng thị trường và đáp

ứng kịp thời nhu cầu thay đổi của nhà đầu tư, PHS hướng tới mục tiêu thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường chứng quyền trong tương lai.

Trong năm 2024, PHS đã phát triển thành công hệ thống giao dịch tiên tiến dành cho hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro chứng quyền, đồng thời đã chính thức đưa hệ thống vào vận hành trên thị trường. PHS dự kiến mở rộng hoạt động phát hành chứng quyền vào năm 2025. Với hệ thống giao dịch hiện đại này, PHS có thể nâng cao hiệu quả hoạt động tự doanh, bằng việc tăng độ chính xác và hiệu quả đầu tư, cũng như áp dụng nhiều chiến lược giao dịch đa dạng trên thị trường.

Dựa trên nền tảng kỹ thuật vững chắc đã được xây dựng trong năm 2024, PHS sẽ mở rộng hệ thống giao dịch để phù hợp với các chiến lược giao dịch mới. Ngoài ra, PHS sẽ mở rộng hoạt động giao dịch sang các thị trường sản phẩm khác như ETF và các thị trường phái sinh nhằm đa dạng hóa rủi ro trong hoạt động tự doanh và giao dịch chứng quyền. Mục tiêu của PHS trong những năm tới là xây dựng hoạt động kinh doanh giao dịch đa dạng với rủi ro được đo lường và kiểm soát hiệu quả.

5. Marketing

Trong năm 2025, các hoạt động marketing của PHS sẽ tiếp tục đồng hành cùng định hướng chiến lược tổng thể của công ty, tập trung vào việc cải thiện chất lượng dịch vụ, sản phẩm và thúc đẩy các hoạt động đổi mới nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Phát triển dựa trên các nền tảng có được trong năm 2024, các hoạt động marketing năm 2025 sẽ được triển khai bài bản, tập trung vào các trọng tâm chính:

- Quảng bá thương hiệu: tăng cường nhận diện thương hiệu qua các chiến dịch sáng tạo và đa kênh, đa nền tảng, khẳng định vị thế của PHS là một trong những công ty chứng khoán có vốn nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam.
- Chương trình khuyến mãi: bên cạnh chất lượng dịch vụ là yếu tố cốt lõi, các hoạt động khuyến mãi, chương trình tri ân khách hàng là những hoạt động hỗ trợ khách hàng tất yếu trên con đường đầu tư của mình. Do đó, việc đẩy mạnh các ưu đãi hấp dẫn trong năm 2025 sẽ nhằm thu hút và giữ chân người dùng mới, góp phần mở rộng tệp khách hàng tiềm năng.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu hành vi người dùng trực tuyến: áp dụng các công cụ đo lường trực tuyến, cũng như xây dựng hệ thống theo dõi kết quả các chiến dịch mở tài khoản trực tuyến là ưu tiên hàng đầu của khối Marketing trong năm 2025. Điều này sẽ giúp PHS có được cái nhìn tổng quát về đối tượng khách hàng tiềm năng, phân tích dữ liệu, từ đó cá nhân hóa các dịch vụ và chiến dịch tiếp thị, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khách hàng.

Dự kiến, năm 2025 sẽ là một năm bùng nổ với nhiều cơ hội lớn trên thị trường. Do đó, đội ngũ Marketing sẽ chuẩn bị kỹ lưỡng các chương trình và kế hoạch hành động để tận dụng tối đa lợi thế này, góp phần đưa PHS tiếp tục vươn xa.

6. Quản lý rủi ro

Thị trường chứng khoán năm 2024 có tích cực hơn khi các chỉ số có mức tăng. Tuy nhiên, do có nhiều ảnh hưởng bởi các biến động về vĩ mô trong nước và ngoài nước

nên mức tăng trưởng cũng chưa ổn định, đặc biệt làm ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư vẫn còn đang rất cẩn trọng. PHS đã áp dụng các chiến lược quản lý rủi ro linh hoạt theo từng thời kỳ như: điều chỉnh các tỷ lệ xử lý; phát triển các sản phẩm phù hợp nhằm hỗ trợ kinh doanh cũng như phòng ngừa rủi ro trong trong giai đoạn thị trường nhiều biến động. Đồng thời kiểm soát giá vay, tỷ lệ vay phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thị trường. Thay đổi chiến lược quản lý rủi ro trong đó cơ cấu dư nợ tập trung chủ yếu được phân bổ cho các cổ phiếu vốn hóa lớn, cổ phiếu cơ bản tốt và khách hàng có uy tín.

Bên cạnh đó, Công tác quản lý rủi ro đã đạt hiệu quả cao thể hiện qua dịch vụ giao dịch ký quỹ. Dựa vào kết quả đánh giá nợ xấu từ dịch vụ giao dịch ký quỹ, chúng ta có thể thấy rằng không có phát sinh bất kỳ khoản nợ xấu nào mới trong những năm qua. Ngoài ra, sự phối hợp chặt chẽ giữa khối Quản lý rủi ro và khối Phân tích đã nâng cao chất lượng phân tích, đánh giá các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ và nhiều thay đổi trong chiến lược quản lý rủi ro cho thấy tính hiệu quả và linh hoạt với những thay đổi của thị trường. Đồng thời với việc sử dụng một số công cụ phân tích dữ liệu được phát triển bởi phòng phần mềm thuộc khối Công nghệ thông tin và triển khai các mô hình định giá cổ phiếu cũng hỗ trợ rất tốt cho khối Quản lý rủi ro trong việc thu thập dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả nhất để trình Hội đồng Quản lý rủi ro.

Tháng 11/2024, việc cho phép nhà đầu tư nước ngoài không cần ký quỹ trước giao dịch đang mở ra cơ hội phát triển dịch vụ mới cho công ty chứng khoán. Với kế hoạch vận hành KRX vẫn đang được kỳ vọng sớm đi vào thực tiễn, hệ thống này được cho là sẽ mang đến các sản phẩm, giải pháp giao dịch và thanh toán mới. Đồng thời là tiền đề cho việc tiến tới nâng hạng thị trường chứng khoán hứa hẹn sẽ thu hút các nhà đầu tư và tăng cường thanh khoản. Dựa vào tình hình thị trường trong năm 2024 và sản phẩm "Non-Prefunding" cho nhà đầu tư tổ chức là nước ngoài, khối Quản lý rủi ro đã và đang tiếp tục xây dựng và bổ sung những chính sách quản lý rủi ro phù hợp với thị trường chung năm 2025.

Đồng thời tập trung nhiều hơn vào các cổ phiếu cơ bản tốt để tăng tỷ trọng của cổ phiếu đó trong danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ; hơn nữa, các chính sách cũng sẽ tập trung vào việc cải tiến quá trình đánh giá các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ cũng như đánh giá mức độ uy tín khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro cho PHS và khách hàng cũng như hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của toàn PHS.

PHS đã triển khai sản phẩm giao dịch chứng khoán phái sinh được hơn bốn năm, số lượng khách hàng đã ngày càng tăng lên và vẫn còn nhiều cơ hội tăng trưởng trong năm 2025. Sản phẩm phái sinh ngày càng được mở rộng nên việc xây dựng các chiến lược quản lý rủi ro trong giao dịch chứng khoán phái sinh ngày càng được chủ động và cải tiến để giảm thiểu các tác động tiêu cực. Các rủi ro chính được xác định bao gồm: rủi ro thị trường, đòn bẩy vốn, sức ép yêu cầu ký quỹ, pháp lý, thanh khoản và rủi ro hệ thống. Theo đó khối Quản lý rủi ro đề ra bộ tiêu chí quản lý rủi ro liên tục và phù hợp với thị trường nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh trên thị trường giao dịch phái sinh.

Bên cạnh đó trong năm 2025, mục tiêu giảm thiểu rủi ro và hỗ trợ hoạt động kinh doanh là chiến lược quan trọng trong hoạt động quản lý rủi ro. Nhằm đảm bảo cho các chiến lược đó, khối Quản lý rủi ro sẽ nỗ lực hợp tác với khối Phân tích để có phân tích nâng cao về các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ và tiếp tục sử dụng một số công cụ phân tích dữ liệu được phát triển bởi phòng phần mềm thuộc khối Công nghệ thông tin để hỗ trợ tốt nhất cho khối Quản lý rủi ro trong việc thu thập dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả nhất để trình Hội đồng Quản lý rủi ro. Sau đó, chúng tôi tiếp tục áp dụng danh sách giao dịch ký quỹ đa dạng hơn với tỷ lệ cho vay khác nhau nhằm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh diễn ra an toàn và hiệu quả, đồng thời gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Trên hết, chính sách Quản lý rủi ro năm 2025 phải đảm bảo tính độc lập, linh hoạt, đồng nhất, hiệu quả và bền vững góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh và khẳng định vị thế trên thị trường.

7. Công nghệ Thông tin

Trong năm 2024, PHS đã nâng cao trải nghiệm giao dịch của khách hàng thông qua công nghệ hiện đại và nền tảng giao dịch được tối ưu hóa. Tăng cường bảo mật và độ tin cậy của hệ thống để đảm bảo giao dịch an toàn và hiệu quả. Chuẩn bị hạ tầng công nghệ thông tin và ứng dụng để tích hợp hoàn chỉnh với hệ thống giao dịch KRX.

Công ty đã phát triển ứng dụng di động mới, PHS Elite, hợp nhất giao dịch cổ phiếu và phái sinh trên cùng một nền tảng ứng dụng. Tập trung ứng dụng công nghệ hiện đại để mang lại trải nghiệm người dùng mượt mà và trực quan.

Công ty đã hợp tác với Viettel Cybersecurity để thực hiện rà soát toàn diện các lỗ hổng bảo mật của hệ thống giao dịch. Triển khai các biện pháp bảo mật đã được khuyến nghị và nâng cao khả năng giám sát hệ thống. Đào tạo và nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho nhân viên công ty.

Công ty phát triển hệ thống báo cáo quản trị thông minh (BI), cung cấp giao diện trực quan với biểu đồ, đồ thị, tăng cường khả năng phân tích dữ liệu và ra quyết định cho các phòng ban. Kết nối dữ liệu từ hệ thống giao dịch, và các nền tảng khác để tạo ra báo cáo toàn diện, phản ánh toàn bộ hoạt động của công ty.

Công ty đã cải tiến hạ tầng công nghệ thông tin với việc nâng cấp máy chủ và thiết bị mạng tốc độ cao nhằm giảm thiểu độ trễ. Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra toàn diện theo yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam để đảm bảo sẵn sàng tích hợp hệ thống mượt mà với nền tảng KRX.

Năm 2025, PHS sẽ Đẩy mạnh đầu tư công nghệ nhằm cải thiện các công cụ giao dịch tự động và tối ưu hóa nền tảng giao dịch trực tuyến. Nâng cao hiệu quả hoạt động giao dịch và dịch vụ thông qua ứng dụng công nghệ hiện đại. Đảm bảo an toàn và bảo mật hệ thống thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế.

PHS sẽ tập trung đầu tư vào các công cụ giao dịch tự động như chứng quyền và ETF.

Công ty tiếp tục hiện đại hóa hệ thống giao dịch trực tuyến (Web-Trading) nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Cải tiến giao diện và trải nghiệm người

dùng trên nền tảng giao dịch trực tuyến. Tiếp tục cải tiến ứng dụng di động, tích hợp các công cụ phân tích chuyên sâu và biểu đồ nâng cao vào ứng dụng.

Ngoài ra, công ty xây dựng hệ thống quản lý an toàn thông tin phù hợp với tiêu chuẩn ISO 27001 để tăng cường quản lý an toàn thông tin. Đảm bảo hệ thống luôn sẵn sàng kết nối với hệ thống KRX khi đi vào vận hành.

8. Quản lý Nhân sự

Thị trường lao động, việc làm trong quý 3/2024 tiếp tục khởi sắc với lực lượng lao động, số người có việc làm và thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm giảm so với quý trước và giảm so với cùng kỳ năm trước.

Khi công nghệ ngày càng được ứng dụng rộng trong môi trường làm việc, việc đánh giá lại khả năng khai thác công nghệ để nâng cao năng suất lao động trở nên cần thiết. Sự phát triển vượt bậc của công nghệ, với những đột phá được thúc đẩy bởi AI, đang tái định hình cấu trúc và cách thức làm việc. Các công việc yêu cầu ít kỹ năng đang dần bị tự động hóa thay thế, trong khi các kỹ năng liên quan đến công nghệ, công cụ kỹ thuật số và phân tích dữ liệu ngày càng trở nên quan trọng. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết phải thay đổi vai trò của khối Nhân sự, vượt ra khỏi những khuôn khổ truyền thống để điều chỉnh các ưu tiên, nhằm đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới.

Trong năm 2025, phòng Đào tạo sẽ tập trung vào các mục tiêu trọng tâm sau:

- Phát triển kỹ năng công nghệ: trang bị cho nhân viên không chuyên về công nghệ các kỹ năng ứng dụng công nghệ và ngôn ngữ lập trình cơ bản;
- Chương trình phát triển nghề nghiệp: nâng cao năng lực nhân viên thông qua các chương trình và lộ trình phát triển cá nhân, áp dụng mô hình 70/20/10;
- Đánh giá năng lực: hệ thống hóa và chuẩn hóa các phương pháp đánh giá năng lực nhân viên, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả;
- Chuẩn hóa chương trình đào tạo: thiết lập quy chuẩn về các kỹ năng cần thiết trước, trong và sau đào tạo, đảm bảo chất lượng và tác động tích cực đến hiệu suất công việc;
- Phát triển khả năng lãnh đạo: triển khai các chương trình đào tạo dành riêng cho Giám đốc và Quản lý cấp trung, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý đội nhóm và tư duy chiến lược.

Khối Nhân sự sẽ tích hợp thông điệp ESG vào các hoạt động gắn kết nội bộ, bao gồm hội thảo, văn nghệ và các chương trình khác trong năm, nhằm nâng cao nhận thức của tập thể về vai trò của từng cá nhân trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và đóng góp vào sự phát triển bền vững trong tương lai.

Phòng Tuyển dụng tiếp tục chuẩn hóa quy trình tuyển dụng và đánh giá ứng viên, đảm bảo quy trình sàng lọc đạt hiệu quả tối ưu. Đồng thời, phòng sẽ tập trung vào việc chuẩn hóa quy trình đào tạo hội nhập và xây dựng lộ trình đào tạo dành cho nhân viên mới, giúp các thành viên nhanh chóng hòa nhập và bắt kịp tiến độ công việc sau khi gia nhập công ty. Bên cạnh đó, các chiến lược xây dựng và quảng bá thương hiệu công ty sẽ được duy trì, đổi mới sáng tạo, đồng thời cập nhật xu hướng

mới để mở rộng phạm vi tiếp cận các ứng viên tiềm năng, nâng cao hình ảnh của PHS trên thị trường lao động.

Phòng Tiền lương & Phúc lợi sẽ triển khai các khảo sát nhằm tìm hiểu trải nghiệm của nhân viên, từ đó xây dựng chính sách lương, thưởng và phúc lợi phù hợp. Hệ thống cấp bậc công việc sẽ được chuẩn hóa để làm nền tảng cho việc thiết lập cấu trúc lương, thưởng và phúc lợi, vừa đảm bảo tính công bằng nội bộ vừa cạnh tranh với thị trường. Hệ thống khen thưởng và đãi ngộ tổng thể cũng sẽ được xây dựng nhằm khích lệ thành tích, tạo động lực làm việc và duy trì sự gắn bó của nhân viên, đồng thời tạo ra một môi trường làm việc hài hòa để giữ chân người tài.

Ngoài ra, khối Nhân sự sẽ tập trung tinh chỉnh hệ thống đánh giá hiệu suất nhằm đảm bảo quy trình đánh giá diễn ra hiệu quả, nhất quán và công bằng.

Việc tuân thủ và thực thi các quy định pháp luật về lao động, bảo hiểm, thuế cùng các trách nhiệm khác luôn được đặt lên hàng đầu, đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người lao động.

9. Tóm tắt Dự toán ngân sách năm 2025

Chỉ tiêu	Dự toán ngân sách năm 2025 (VNĐ)
Tổng Doanh thu	743.494.616.053
Tổng Chi phí	613.226.470.006
Lãi (lỗ) trước thuế	130.268.146.047
Lãi (lỗ) sau thuế	103.608.778.575
Thị phần	1,23%

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ông ALBERT KWANG-CHIN TING

TỜ TRÌNH

V/v: Dự toán ngân sách tài chính năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế của nền kinh tế và vị thế của Công ty trên thị trường chứng khoán, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua Dự toán ngân sách tài chính năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025
Tổng doanh thu	743.494.616.053
Tổng chi phí	613.226.470.006
Lợi nhuận kế toán trước thuế	130.268.146.047
Lợi nhuận kế toán sau thuế	103.608.778.575
Thù lao Hội đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát	1.920.000.000

Trong năm 2024 thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt đã chi 5.544.794.767 đồng.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ALBERT KWANG-CHIN TING

TỜ TRÌNH

V/v: Chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc **chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025** như sau:

- Tên đơn vị kiểm toán: **Công ty TNHH KPMG Việt Nam**
Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: 028 3821 9266
Fax: 028 3821 9267

Trường hợp Công ty TNHH KPMG Việt Nam không thể cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng, thì đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025 được thay thế là Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện các công việc liên quan với Công ty Kiểm toán độc lập được chọn.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



LIEW SEP SIANG

TỜ TRÌNH
GIỚI THIỆU CÁC ỨNG VIÊN ĐƯỢC ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Nhiệm kỳ 2025 – 2028)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông về Việc Giới thiệu danh sách các ứng viên được đề cử tham gia Thành viên Hội đồng quản trị (Nhiệm kỳ 2025 – 2028), chi tiết như sau:

STT	Tên	Chức danh
1	Ông ALBERT KWANG-CHIN TING	Thành viên
2	Ông NGUYỄN ĐOAN HÙNG	Thành viên
3	Ông WU, JIN-JENG	Thành viên
4	Ông CHEN CHIA KEN	Thành viên
5	Bà LIN, HSIU-CHU	Thành viên độc lập

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Đính kèm:

- Sơ yếu lý lịch của các ứng viên

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ALBERT KWANG-CHIN TING

STT	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	PHS	Albert Kwang-Chin Ting		Chủ tịch HĐQT	-	Hộ chiếu					-	-	-	-	Bổ nhiệm	-
1.01		Lawrence S. Ting	-	-	Cha	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Đã mất
1.02		Sylvia Tsong-Ching Fei Ting	-	-	Mẹ	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-
1.03		Wong, I-Ting	-	-	Vợ	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-
1.04		Iris Ting	-	-	Chị	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-
1.05		Joyce Ting	-	-	Chị	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-
1.06		Arthur Ting		-	Em trai	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-

1.07		Phu Hung Far East Holding Corporation	Thành viên HDQT	Tổ chức có liên quan	Giấy ĐKKD	1705717	04/04/2012	British Virgin Islands	Portcullis Trustnet (BVI) Limited, Portcullis TrustNet Chambers P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	92.004.600	46,00%	-	-	-	-
1.08		New Beam International Inc	Thành viên HDQT	Tổ chức có liên quan	Giấy ĐKKD	1909904	24/3/2016	British Virgin Islands	Craigmuir Chambers, Road Town, Tortola, VG 1110, British Virgin Islands	41.676.745	20,84%				
1.09		Freshfields Capital Corporation	Chủ tịch HDQT	Tổ chức có liên quan	Giấy ĐKKD	80690793	31/3/2004	Taiwan	20 floor, No.179, Liaoning Street, Taipei 104105, Taiwan	1.290.486	0,65%				
1.10		Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng	Chủ tịch HDQT	Tổ chức có liên quan	Giấy ĐKKD	24/UBCK-GP	28/12/2007	VietNam	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 Đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, TP. Hồ Chí Minh						

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI



ALBERT KWANG-CHIN TING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi:

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM;**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI;**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH.**

1. Họ và tên: **NGUYỄN ĐOAN HÙNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 31/10/1953
4. Nơi sinh: Đoàn Hùng – Phú Thọ
5. Số CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc:
8. Địa chỉ thường trú:
9. Số điện thoại: (+84 28) 5413 5479
10. Địa chỉ email: cbtt_phs@phs.vn
11. Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Thành viên Hội đồng Quản trị
13. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
14. Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:
 - 14.1 Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:
Không có
 - 14.2 Cá nhân sở hữu: Không có
15. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
16. Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I		Nguyễn Đoàn Hùng	-	Thành viên HĐQT	-	CCCD					-	-	-	-	Bỏ nhiệm	-
I.01		Nguyễn Văn Trân	-	-	Cha	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Đã mất
I.02		Phạm Thị Bắc	-	-	Me	CMND		-	-	-	-	-	-	-	-	-
I.03		Nguyễn Phương Anh	-	-	Con gái	CMND		-	-	-	-	-	-	-	-	-
I.04		Nguyễn Hưng Nam	-	-	Con trai	Hộ chiếu		-	-	-	-	-	-	-	-	-
I.05		Nguyễn Huyền Linh	-	-	Con gái	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Còn nhỏ
I.06		Nguyễn Nhị Hà	-	-	Chị gái	CMND		-	-	-	-	-	-	-	-	-
I.07		Nguyễn Thái Bình	-	-	Chị gái	CMND		-	-	-	-	-	-	-	-	-

1.08		Nguyễn Hồng Nga	-	-	Chị gái	CMND		-	-	-	-	-	-	-	-
1.09		Nguyễn Hồng Việt	-	-	Chị gái	CMND		-	-	-	-	-	-	-	-
1.10		Nguyễn Hùng Mạnh		-	Em trai	CMND			-	-	258.177	0,13%	-	-	-
1.11	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	Thành viên HĐQT	Tổ chức có liên quan	Giấy ĐKKD	0303576603	18/11/2004	Việt Nam	23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	-	-	-	-

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI



NGUYỄN ĐOÀN HÙNG

STT	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	PHS	Chen Chia Ken		Người đại diện Pháp luật thứ 2 kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc	-	Hộ chiếu					-	-	-	-	Bỏ nhiệm	-
1.01		Chen Yi Fan	-	-	Cha	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Đã mất
1.02		Tsai Pi Chin	-	-	Mẹ	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-
1.03		Wang Tzu	-	-	Vợ	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-
1.04		Chen Hsiu Te	-	-	Con trai	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-
1.05		Chen Hsiu Yi	-	-	Con gái	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI



CHEN CHIA KEN

STT	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trú sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	PHS	Wu, Jin-Jeng		Thành viên HĐQT	-	Hộ chiếu					-	-	-	-	Bỏ nhiệm	-
1.01		Công ty Tư Vấn Đầu Tư Vũ Thái		Tổng Giám đốc	Tổ chức có liên quan	Giấy ĐKKD	0102340904	13/09/2017	Việt Nam	14F, CornerStone Building, No.16 Phan Chu Trinh, Hoan Kiem District, Hanoi	7.473.415	3,74%	-	-	-	-
1.03		Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng		Thành viên HĐQT	Tổ chức có liên quan	Giấy ĐKKD	24/UBC K-GP	28/12/2007	Việt Nam	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 đường Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q.7, Tp.HCM	-	-	-	-	-	-

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI



WU, JIN - JENG

STT	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trú sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	-	Lin, Hsiu-Chu	-	-	-	Hộ chiếu					-	-	-	-	Bỏ nhiệm	-
I.01	-	Lin Guo Laifu	-	-	Mẹ	CMND		-			-	-	-	-	-	-
I.02	-	Lin Min Gjie	-	-	Ba	CMND		-			-	-	-	-	-	-
I.03	-	Chen Yu Fu	-	-	Con trai	CMND		-								

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI



LIN, HSIU-CHU

TỜ TRÌNH
GIỚI THIỆU CÁC ỨNG VIÊN ĐƯỢC ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
(Nhiệm kỳ 2025 – 2028)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông về Việc Giới thiệu danh sách các ứng viên được đề cử tham gia Thành viên Ban Kiểm soát (Nhiệm kỳ 2025 – 2028), chi tiết như sau:

STT	Tên	Chức danh
1	Ông LIEW SEP SIANG	Thành viên
2	Bà WANG, GWAN-FANG	Thành viên
3	Ông CHIU, HSIEN-CHIH	Thành viên

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Dính kèm:

1. Sơ yếu lý lịch của các ứng viên

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH


ALBERT KWANG-CHIN TING

STT	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	PHS	Liew Sep Siang		Trưởng Ban Kiểm soát	-	Hộ chiếu					-	-	-	-	Bỏ nhiệm	-
1.01	-	Liew Ee Khong	-	-	Cha	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Đã mất
1.02	-	Lee Yeak Leak	-	-	Mẹ	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-
1.03	-	Liew Sep Leng	-	-	Anh	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-
1.04	-	Liew Chin Hui	-	-	Chị	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-
1.05	-	Liew Sep Yong	-	-	Anh	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-
1.06	-	Chu Zi Yan	-	-	Vợ	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-
1.07	-	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng		Phó Tổng Giám đốc	Tổ chức có liên quan	Giấy ĐKKD	41/GP-KDBH	12/12/2006	Việt Nam	Tầng 22, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q.7, Tp.HCM	3.136.847	1,57%	-	-	-	-

1.08	-	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng		Trưởng Ban kiểm soát	Tổ chức có liên quan	Giấy ĐKKD	24/UBCK-GP	28/12/2007	Việt Nam	Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM						
------	---	--------------------------------------	--	----------------------	----------------------	-----------	------------	------------	----------	--	--	--	--	--	--	--

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

NGƯỜI KHAI

LIEW SEP SIANG

STT	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trú sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	-	Chiu, Hsien-Chih	-	Thành viên Ban Kiểm soát	-	Hộ chiếu					-	-	-	-	Bổ nhiệm	-
1.01	-	Chiu Chuei Chun	-	-	Cha	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Đã mất
1.02	-	Syu Yue Ye	-	-	Me	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Đã mất
1.03	-	Lin Ching Yi	-	-	Vợ	Hộ chiếu					-	-	-	-	-	-
1.04	-	Chiu Li Chiu	-	-	Chị	Hộ chiếu					-	-	-	-	-	-
1.05	-	Chiu Li Ying	-	-	Chị	Hộ chiếu					-	-	-	-	-	-
1.06	-	Chiu Hsueh O	-	-	Chị	Hộ chiếu					-	-	-	-	-	-

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI



CHIU, HSIEN-CHIH

STT	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	PHS	Wang, Gwan-Fang		Thành viên Ban Kiểm soát	-	Hộ chiếu					-	-	-	-	Bỏ nhiệm	-
1.01	-	Wang, Pai-Fu	-	-	Ba	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-
1.02	-	Yeh, Mei-Yu	-	-	Mẹ	Hộ chiếu				-	-	-	-	-	-	-
1.03	-	Công Ty TNHH Truyền Thống Thế Sàng		Giám đốc	Tổ chức liên quan	Giấy ĐKKD	0311068000	15/08/2011	Việt Nam	Tầng 22, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 08 Đường Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh						
1.04	-	Công Ty TNHH Phát Triển Hưng Truyền	-	Giám đốc	Tổ chức liên quan	Giấy ĐKKD	0312894874	15/08/2014	Việt Nam	Tầng 3 - Tầng 4, Toà nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh						

17. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI



WANG,GWAN-FANG

TỜ TRÌNH

**Phê chuẩn Báo cáo của Hội đồng Quản trị về việc
Tái Bổ nhiệm Ông Chen Chia Ken làm Tổng giám đốc
(Nhiệm kỳ 2025 – 2028)**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của CTCP Chứng khoán Phú Hưng;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn Báo cáo của Hội đồng quản trị về việc Tái Bổ nhiệm Ông Chen Chia Ken làm Tổng giám đốc (Nhiệm kỳ 2025 – 2028), chi tiết như sau:

1. Tên Thành viên bổ nhiệm: Ông CHEN CHIA KEN
Số hộ chiếu:
Ngày cấp:
Nơi cấp:

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ALBERT KWANG-CHIN TING

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên thông qua Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.


Dính kèm:

Quy trình Quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



LIEW SEP SIANG

	QUY TRÌNH CỦA BAN KIỂM SOÁT	Mã số: 01/2025/QTr-BKS
		Lần ban hành: 01
		Ngày hiệu lực: 17/4/2025
Người phụ trách: Chiêu Nhã Thy Người hỗ trợ/thay thế:	Duyệt bởi: Trưởng Ban Kiểm soát <p style="text-align: center;">Liew Sep Siang</p> Ngày duyệt: 17/4/2025	

THEO DÕI SỬA ĐỔI QUY TRÌNH

Ngày	Mục sửa đổi	Nội dung sửa đổi	Người biên soạn
17/4/2025		Quy trình mới	

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

1. Tổng Giám Đốc	<input checked="" type="checkbox"/>	4. Tất cả các Khối Phòng ban	<input checked="" type="checkbox"/>
2. Phó Tổng Giám Đốc	<input checked="" type="checkbox"/>	5. Tất cả các Chi nhánh, Phòng giao dịch	<input checked="" type="checkbox"/>
3. Khối Kiểm soát nội bộ	<input checked="" type="checkbox"/>		

I. Mục đích

Quy trình được ban hành để quy định các bước cụ thể trong quá trình hoạt động kiểm tra, rà soát, thẩm định theo yêu cầu gửi đến Ban Kiểm soát, nhằm đảm bảo hoạt động này được diễn ra một cách nhất quán, đầy đủ và tuân thủ quy định pháp luật.

II. Phạm vi áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với Kiểm soát viên và các thành viên Đoàn kiểm tra do Ban kiểm soát thành lập để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

III. Tài liệu tham khảo

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

IV. Giải thích từ ngữ

1. *PHS/Công ty* là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.
2. *HDQT* là Hội đồng Quản trị Công ty.
3. *BTGD* là Ban Giám đốc Công ty.
4. *TGD* là Tổng Giám đốc Công ty.
5. *BKS* là Ban Kiểm soát.
6. *ĐKT* là Đoàn kiểm tra.
7. *UBCKNN* là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
8. *SGDCK* là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
9. *VSDC* là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

V. Nội dung

1. Sơ đồ quy trình

Trách nhiệm	Bước	Trình tự công việc	Thời gian	Điểm kiểm soát
Đối tượng yêu cầu kiểm tra, kiểm soát	1	Yêu cầu kiểm tra, rà soát, thẩm định		Văn bản yêu cầu, Hồ sơ chứng minh sở hữu hợp lệ, Thông báo của BKS
BKS	2	Xem xét yêu cầu	T	Văn bản trả lời yêu cầu kiểm tra, kiểm soát (đối với bên ngoài)
BKS	3	Thành lập ĐKT	7 ngày	Quyết định thành lập ĐKT
ĐKT	4	Lập kế hoạch kiểm tra	3 ngày	Đề cương kiểm tra
ĐKT	5	Tiến hành kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra	T'	
Trưởng ĐKT	6	Báo cáo kết quả kiểm tra	3 ngày	Biên bản kiểm tra Báo cáo kết quả kiểm tra
Trưởng BKS	7	Phản hồi kết quả sau kiểm tra	15 ngày	Thông báo kết quả kiểm tra

T: là thời gian kết luận đồng ý/từ chối kiểm tra

T': là thời gian tiến hành kiểm tra

2. Diễn giải quy trình

Bước 1: Yêu cầu kiểm tra, rà soát, thẩm định:

- Đơn vị có yêu cầu kiểm tra, kiểm soát lập và gửi đề nghị đến Ban Kiểm soát.
- Các đối tượng yêu cầu kiểm tra, kiểm soát:
 - Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - Cơ quan quản lý Nhà nước như: UBCKNN, SGDCK, VSDC, Cơ quan đăng ký kinh doanh, Cơ quan Thuế, v.v...;
 - Thành viên BKS.

Bước 2: Xem xét yêu cầu:

- Ban Kiểm soát căn cứ vào Điều lệ, Quy chế hoạt động của BKS và kế hoạch hoạt động hằng năm, bất thường của BKS xem xét yêu cầu kiểm tra tại ngày T.
- BKS thẩm định yêu cầu kiểm tra có phù hợp và đúng đối tượng được quyền yêu cầu kiểm tra và ra kết luận. Trường hợp kết luận đồng ý kiểm tra thì chuyển qua bước tiếp theo. Trường hợp không đồng ý kiểm tra, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do với đơn vị gửi yêu cầu.

Bước 3: Thành lập Đoàn kiểm tra

- Sau khi BKS có kết luận đồng ý kiểm tra, trong vòng 05 ngày làm việc, BKS quyết định thành lập Đoàn kiểm tra. Quyết định phải nêu rõ thành phần Đoàn kiểm tra, yêu cầu kiểm tra, căn cứ và được gửi đến HĐQT, TGD trong vòng 02 ngày làm việc sau khi ban hành.
- Đoàn kiểm tra là cơ quan phụ trách việc tiến hành kiểm tra, lập Biên bản kiểm tra và có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra lên BKS.

Bước 4: Lập kế hoạch kiểm tra

- Đoàn kiểm tra căn cứ vào Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS để lập kế hoạch kiểm tra trình Trưởng BKS phê duyệt. Kế hoạch kiểm tra phải nêu rõ nội dung kiểm tra, phạm vi, thời hạn kiểm tra.
- Trong vòng 03 ngày làm việc, Trưởng BKS có trách nhiệm xem xét, đánh giá kế hoạch kiểm tra dựa trên yêu cầu kiểm tra, ra quyết định phê duyệt và thông báo đến HĐQT, TGD công ty. Trường hợp kế hoạch kiểm tra không phù hợp

với yêu cầu kiểm tra, Trưởng BKS thông báo đến Đoàn kiểm tra và yêu cầu điều chỉnh.

- Đoàn kiểm tra phải lập kế hoạch kiểm tra phù hợp với yêu cầu của Cơ quan Nhà nước trong trường hợp kiểm tra theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước.

Bước 5: Tiến hành kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra

- Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra theo trình tự, thủ tục quy định tại kế hoạch kiểm tra đã được Trưởng BKS phê duyệt.
- Trong quá trình kiểm tra, tùy vào tình hình thực tế, kế hoạch kiểm tra có thể được thay đổi sau khi được Trưởng BKS phê duyệt và thông báo đến HĐQT, TGD Công ty.

- Các nội dung kiểm tra:

a. Chuẩn bị kiểm tra:

- Thu thập các tài liệu cần thiết liên quan đến hoạt động của đơn vị cần kiểm tra;
- Chọn mẫu các tài liệu, hồ sơ, chứng từ cần kiểm tra;
- Gửi yêu cầu cung cấp tài liệu, hồ sơ, chứng từ đến đơn vị cần kiểm tra.

b. Thực hiện kiểm tra:

Đoàn kiểm tra tiến hành rà soát các hồ sơ, đối chiếu các tài liệu, hồ sơ được cung cấp và đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, quy định, quy trình, quy chế nội bộ của Công ty.

c. Tiêu chí kiểm tra:

- Các vấn đề, tài liệu, hồ sơ kiểm tra phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, quy định, quy trình, quy chế nội bộ của Công ty.
- Trong quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra phát hiện bất kỳ vấn đề nào xác định là sai phạm, hoặc nghi ngờ sai phạm đều phải ghi nhận vào Biên bản kiểm tra.
- Đoàn kiểm tra sẽ đánh giá các sai phạm, rủi ro tiềm ẩn (nếu có) và đưa ra yêu cầu khắc phục.

d. Lập Biên bản kiểm tra:

- Sau khi kết thúc kiểm tra, Đoàn kiểm tra sẽ lập Biên bản kiểm tra. Trong đó, nêu rõ toàn bộ nội dung làm việc, các vấn đề, tài liệu kiểm tra và kết quả, kết luận kiểm tra. Phải tổ chức họp với đơn vị được kiểm tra để công bố Biên bản, kết quả kiểm tra.
- Đơn vị được kiểm tra có quyền giải trình và yêu cầu ghi nhận ý kiến giải trình vào Biên bản kiểm tra hoặc đính kèm theo Biên bản kiểm tra trong trường hợp không đồng ý với kết luận của Đoàn kiểm tra.
- Trường hợp Đoàn kiểm tra và đơn vị được kiểm tra thống nhất ý kiến về kết quả, kết luận kiểm tra, các bên ký Biên bản kiểm tra.
- Biên bản kiểm tra phải có đầy đủ chữ ký của thành viên Đoàn kiểm tra và đại diện đơn vị kiểm tra. Trường hợp bất kỳ thành viên nào của Đoàn kiểm tra, đại diện Đơn vị được kiểm tra từ chối ký Biên bản thì phải nêu rõ lý do từ chối vào Biên bản và Đoàn kiểm tra, các thành viên còn lại vẫn ký Biên bản theo thủ tục thông thường.
- Biên bản kiểm tra phải được trình lên Trường Ban kiểm soát cùng với Báo cáo kết quả kiểm tra và được lưu giữ tại Ban Kiểm soát.

Bước 6: Báo cáo kết quả kiểm tra:

- Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi lập Biên bản kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra căn cứ vào Biên bản kiểm tra lập Báo cáo kết quả kiểm tra trình Trường Ban kiểm soát.
- Báo cáo kết quả kiểm tra phải có các nội dung sau:
 - Các thông tin giới thiệu tình hình của đơn vị;
 - Các tồn tại, sai phạm (nếu có) phát hiện được sau kiểm tra;
 - Xác định nguyên nhân;
 - Đề xuất các phương án xử lý, khắc phục (nếu có).

Bước 7: Phản hồi kết quả sau kiểm tra:

- Sau khi nhận được Báo cáo kết quả kiểm tra, trong vòng 15 ngày làm việc, Trường Ban Kiểm soát gửi Thông báo về nội dung, kết quả kiểm tra đến đối tượng yêu cầu kiểm tra, HĐQT, TGD công ty.

- Đối với các yêu cầu kiểm tra từ Cơ quan Nhà nước, Ban Kiểm soát báo cáo theo thời hạn yêu cầu.

3. Lưu trữ hồ sơ

- Báo cáo, Biên bản kiểm tra và các hồ sơ, tài liệu trong quá trình kiểm tra được lưu giữ tại Ban Kiểm soát.
- Đơn vị được kiểm tra lưu 01 bản gốc Biên bản kiểm tra để theo dõi và khắc phục.
- Thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật.

VI. Điều khoản thi hành

Quy trình này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quy trình trước đây có liên quan. Mọi sự sửa đổi, bổ sung nội dung sẽ được thực hiện tùy theo nhu cầu thực tế và theo sự phát triển của Công ty hoặc tùy thuộc vào những thay đổi của các quy định pháp luật có liên quan.

Các phòng ban liên quan có trách nhiệm tuân thủ và phổ biến hướng dẫn các đơn vị thực hiện và thông báo đến toàn thể Cán bộ nhân viên Công ty được biết và nghiêm túc thực hiện.

VII. Hồ sơ lưu

STT	Tên hồ sơ	Đơn vị lưu
1		
2		

VIII. Danh mục Phụ lục, Biểu mẫu liên quan

STT	Tài liệu	Mã số
1		
2		